

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001 : 2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên : Lê Thị Quỳnh Nga

Giảng viên hướng dẫn : ThS. Nguyễn Đức Kiên

HẢI PHÒNG - 2015

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU,
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH
TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI ĐAN VIỆT**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ LIÊN THÔNG
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

Sinh viên : Lê Thị Quỳnh Nga

Giảng viên hướng dẫn : ThS. Nguyễn Đức Kiên

HẢI PHÒNG – 2015

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Lê Thị Quỳnh Nga

Mã SV: 1313401013

Lớp: QTL701K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại Đan Việt

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

- Nghiên cứu lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp
- Mô tả và phân tích thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại Đan Việt
- Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại Đan Việt

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

- Số liệu về tình hình kinh doanh của công ty TNHH thương mại Đan Việt trong 3 năm gần đây.
- Số liệu về thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại Đan Việt

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

- Công ty TNHH thương mại Đan Việt.

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: **Nguyễn Đức Kiên**

Học hàm, học vị: **Thạc sĩ**

Cơ quan công tác: **Trường Đại Học Dân Lập Hải Phòng**

Nội dung hướng dẫn:

- Định hướng cách nghiên cứu và giải quyết một số đề tài tốt nghiệp cấp cử nhân.
- Định hướng cách hệ thống hóa những vấn đề lý luận cơ bản về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh trong doanh nghiệp
- Định hướng và mô tả phân tích thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại Đan Việt
- Định hướng cách đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện đề tài nghiên cứu

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 27 tháng 04 năm 2015

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 18 tháng 07 năm 2015

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Lê Thị Quỳnh Nga

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

ThS. Nguyễn Đức Kiên

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2015

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT Trần Hữu Nghị

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

- Chăm chỉ thu thập tài liệu, số liệu liên quan đến đề tài nghiên cứu.
- Chịu khó nghiên cứu lý luận và thực tế, mạnh dạn đề xuất các phương hướng và giải pháp để hoàn thiện đề tài nghiên cứu.
- Có thái độ nghiêm túc, khiêm tốn, ham học hỏi trong quá trình viết khóa luận.
- Tuân thủ đúng yêu cầu về tiến độ thời gian và nội dung nghiên cứu của đề tài do giáo viên hướng dẫn quy định.

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

- Về mặt lý luận : Tác giả đã hệ thống hóa được những vấn đề lý luận cơ bản về đối tượng nghiên cứu.
- Về mặt thực tế : Tác giả đã mô tả và phân tích được thực trạng của đối tượng nghiên cứu theo hiện trạng của chế độ và chuẩn mực kế toán Việt Nam.
- Những giải pháp mà tác giả đề xuất đã gắn với thực tiễn sản xuất – kinh doanh, có giá trị về mặt lý luận và có tính khả thi trong công việc kiện toàn công tác kế toán của đơn vị thực tập
- Những số liệu minh họa trong khóa luận đã có tính logic dòng chảy của số liệu kế toán và có độ tin cậy.

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

- Điểm bằng số: 10
- Điểm bằng chữ : mười điểm.

Hải Phòng, ngày..... tháng..... năm 2015

Cán bộ hướng dẫn

Ths.Nguyễn Đức Kiên

LỜI CẢM ƠN !

Kính thưa quý thầy cô giáo!

Trong suốt thời gian em học tập dưới mái trường Đại Học Dân Lập Hải Phòng, các thầy cô đã hết lòng truyền đạt kiến thức chuyên ngành rất bổ ích cho em để em chuẩn bị những hành trang ra trường thực tế làm việc. Em xin chân thành cảm ơn Ban giám hiệu, quý thầy cô giáo trường Đại học Dân lập Hải Phòng; Đặc biệt là thầy giáo – Thạc sỹ Nguyễn Đức Kiên đã trực tiếp tận tình hướng dẫn và giúp đỡ em trong suốt quá trình nghiên cứu đề tài tốt nghiệp. Tiếp theo, em xin gửi lời cảm ơn tới tập thể ban lãnh đạo và các anh chị phòng kế toán Công ty TNHH Thương Mại Đan Việt đã rất tận tình giúp đỡ, hướng dẫn, chỉ dạy chi tiết cho em những kinh nghiệm làm việc, tạo mọi điều kiện thuận lợi để em tiếp cận với nguồn số liệu thực tế góp phần làm cho bài khóa luận của em thêm tốt hơn. Trong quãng thời gian thực tập, em đã học hỏi được rất nhiều kinh nghiệm, có được cơ hội áp dụng những kiến thức đã học vào tình huống cụ thể của công ty, giúp em rèn luyện phương pháp nghiên cứu và năng lực giải quyết vấn đề, rèn luyện tác phong làm việc và đạo đức nghề nghiệp đó là hành trang giúp em vững bước trong môi trường làm việc tương lai.

Em xin kính chúc quý thầy cô luôn dồi dào sức khỏe, thành công trong công việc và trong cuộc sống. Chúc Quý Công ty ngày càng phát triển lớn mạnh.

Với những kiến thức còn hạn chế và bản thân còn thiếu kinh nghiệm thực tiễn, em sẽ không tránh khỏi những sai sót, rất mong nhận được sự thông cảm cũng như chỉ dạy, đóng góp của quý thầy cô và các anh chị quản lý cùng nhân viên kế toán trong Công ty để đề tài của em được hoàn thiện hơn .

Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn !

Hải Phòng, Ngày 02 tháng 7 năm 2015

Sinh viên thực hiện

Lê Thị Quỳnh Nga

MỤC LỤC

DANH MỤC SƠ ĐỒ

DANH MỤC BẢNG BIỂU

LỜI CẢM ƠN

LỜI MỞ ĐẦU 1

CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG CÁC DOANH NGHIỆP. 3

1.1. Nội dung của các chỉ tiêu cơ bản liên quan đến doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.	3
1.2. Điều kiện ghi nhận doanh thu.	4
1.3. Nguyên tắc kế toán doanh thu.	5
1.4. Nhiệm vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. .	6
1.5. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động kinh doanh. 6	
1.5.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.	6
1.5.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.	9
1.5.3. Kế toán giá vốn hàng bán.	12
1.5.4. Kế toán chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp.	15
1.5.5. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.	19
1.5.6. Kế toán kết quả hoạt động sản xuất – kinh doanh (bán hàng)	20
1.6. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động tài chính... 21	
1.7. Nội dung kế toán thu nhập, chi phí và kết quả hoạt động khác.	23
1.8. Tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh toàn doanh nghiệp.	26
1.9. Đặc điểm kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh theo các hình thức kế toán:	27

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI ĐAN VIỆT 32

2.1. Đặc điểm chung ảnh hưởng đến công tác hạch toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM Đan Việt.	32
2.1. 1. Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty TNHH TM Đan Việt.	32
2.1.2. Đặc điểm sản phẩm, tổ chức sản xuất – kinh doanh tại công ty TNHH TM Đan Việt.	34
2.1.3. Đặc điểm doanh thu và chi phí tại Công ty TNHH TM Đan Việt	34

2.1.4. Đặc điểm cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của công ty TNHH TM Đan Việt	35
2.1.5. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán và chính sách kế toán áp dụng tại công ty TNHH TM Đan Việt	36
2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM Đan Việt	38
2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	38
2.2.2. Doanh thu hoạt động tài chính:	46
2.2.3. Kế toán giá vốn hàng bán.....	49
2.2.4. Kế toán chi phí bán hàng và quản lý kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại Đan Việt.....	55
2.2.5. Kế toán xác định kết quả kinh doanh:.....	65
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI ĐAN VIỆT.	74
3.1. Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh nói riêng tại công ty TNHH thương mại Đan Việt.....	74
3.1.1. Ưu điểm:.....	74
3.1.2. Hạn chế.....	76
3.2. Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả tiêu thụ	76
3.3. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM Đan Việt.....	77
3.4. Nội dung và phương pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả tiêu thụ tại Công ty TNHH TM Đan Việt.....	77
3.4.1. Kiến nghị về hiện đại hóa công tác kế toán	78
3.4.2. Kiến nghị về phương thức bán hàng	79
3.4.3. Kiến nghị về quy trình luân chuyển chứng từ.....	80
3.5. Điều kiện thực hiện các giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM Đan Việt.	81
3.5.1 Về phía nhà nước:	81
3.5.2 Về phía doanh nghiệp:	81
3.5.3. Về phía hiệp hội nghề nghiệp	82
KẾT LUẬN	83
TÀI LIỆU THAM KHẢO	84

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán doanh thu.....	8
Sơ đồ 1.2: sơ đồ hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu	11
Sơ đồ 1.3a: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên	14
Sơ đồ 1.3b: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai định kỳ.....	15
Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán chi phí bán hàng.....	17
Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp.....	18
Sơ đồ 1.6: Sơ đồ hạch toán chi phí thuế TNDN hiện hành.....	19
Sơ đồ 1.7: Sơ đồ hạch toán chi phí thuế TNDN hoãn lại.....	20
Sơ đồ 1.8: Sơ đồ xác định kết quả hoạt động kinh doanh.....	21
Sơ đồ 1.9: Sơ đồ hạch toán doanh thu tài chính.....	22
Sơ đồ 1.10: Sơ đồ hạch toán chi phí tài chính.....	23
Sơ đồ 1.11: Sơ đồ hạch toán doanh thu khác	24
Sơ đồ 1.12: Sơ đồ hạch toán chi phí khác.....	25
Sơ đồ 1.13: Sơ đồ hạch toán tổng hợp doanh thu, chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh	26
Sơ đồ 1.14: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung	27
Sơ đồ 1.15: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký – sổ cái	28
Sơ đồ 1.16: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức chứng từ ghi sổ Nhật ký – Chứng từ.....	29
Sơ đồ 1.17: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ	30
Sơ đồ 1.18: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy.....	31
Sơ đồ 2.1: Bộ máy quản lý của Công ty TNHH Thương Mại Đan Việt:	35
Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán:	36
Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký chung tại Công ty TNHH TM Đan Việt :.....	37

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Biểu số 2.1: Hóa đơn GTGT số 005332	39
Biểu số 2.2: Hóa đơn GTGT số 0005338	40
Biểu số 2.3: Giấy báo có	41
Biểu số 2.4: Hóa đơn GTGT số 0005350	42
Biểu số 2.5: Phiếu thu số 21 /12:.....	43
Biểu số 2.6: Trích sổ nhật ký chung tháng 12.....	44
Biểu số 2.7: Trích Sổ cái tài khoản 511 tháng 12 năm 2014	45
Biểu số 2.8: Giấy báo có	47
Biểu số 2.9: Trích Sổ cái tài khoản 515 tháng 12 năm 2014	48
Biểu số 2.10: Phiếu xuất kho.....	50
Biểu số 2.11: Trích Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ (sản phẩm) tháng 12 năm 2014	51
Biểu số 2.12: Phiếu xuất kho.....	52
Biểu số 2.13: Phiếu xuất kho.....	53
Biểu số 2.14: Trích sổ nhật ký chung tháng 12.....	54
Biểu số 2.15: Trích Sổ cái tài khoản 632 tháng 12 năm 2014	54
Biểu số 2.16: Trích Bảng phân bổ lương và bảo hiểm XH Quý 4/2014.....	57
Biểu số 2.17: Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ	58
Biểu số 2.18: Hoá đơn GTGT số 0002180 của Điện lực Lê Chân ngày 23/12/2014.....	59
Biểu số 2.19: Phiếu chi số 18, quyền số 15 ngày 24/12/2014	60
Biểu số 2.20: Trích sổ nhật ký chung tháng 12.....	62
Biểu số 2.21: Trích Sổ cái tài khoản 641 tháng 12 năm 2014	63
Biểu số 2.22: Trích Sổ cái tài khoản 642 quý 4 năm 2014	64
Biểu số 2.23: Phiếu kế toán số 36	66
Biểu số 2.24: Phiếu kế toán số 37	67
Biểu số 2.25: Phiếu kế toán số 38	67
Biểu số 2.26: Phiếu kế toán số 39	67
Biểu số 2.27: Phiếu kế toán số 40	68
Biểu số 2.28: Trích sổ cái TK 911 Quý 4/2014	68
Biểu số 2.29: Trích sổ cái tài khoản 821 tháng 12/2014.....	69
Biểu số 2.30: Trích sổ cái tài khoản 421 tháng 12/2014.....	71
Biểu số 2.31: Bảng cân đối số phát sinh năm 2014	72
Biểu số 2.32: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	73
Biểu số 3.1: Phiếu giao nhận chứng từ	80

LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu.

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, vấn đề mà các doanh nghiệp luôn băn khoăn lo lắng là : “Hoạt động kinh doanh có hiệu quả hay không? Doanh thu có trang trải được toàn bộ chi phí bỏ ra hay không? Làm thế nào để tối đa hoá lợi nhuận?”. Thật vậy, xét về mặt tổng thể các doanh nghiệp hiện nay không những chịu tác động của qui luật giá trị mà còn chịu tác động của qui luật cung cầu và qui luật cạnh tranh, khi sản phẩm dịch vụ của doanh nghiệp được thị trường chấp nhận có nghĩa là giá trị của sản phẩm dịch vụ được thực hiện, lúc này doanh nghiệp sẽ thu về được một khoản tiền, khoản tiền này được gọi là doanh thu. Nếu doanh thu đạt được có thể bù đắp toàn bộ chi phí bất biến và khả biến bỏ ra, thì phần còn lại sau khi bù đắp được gọi là lợi nhuận. Bất cứ doanh nghiệp nào khi kinh doanh cũng mong muốn lợi nhuận đạt được là tối đa, để có lợi nhuận thì doanh nghiệp phải có mức doanh thu hợp lí, phần lớn trong các doanh nghiệp thương mại dịch vụ thì doanh thu đạt được chủ yếu là do quá trình tiêu thụ hàng hoá, sản phẩm, dịch vụ. Do đó việc thực hiện hệ thống kế toán về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc xác định hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

Thật vậy, để thấy được tầm quan trọng của hệ thống kế toán nói chung và bộ phận kế toán về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng trong việc đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, em đã chọn đề tài : “Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại Đan Việt”.

2. Mục đích nghiên cứu của đề tài :

- Tìm hiểu cơ sở lý luận chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp thương mại.
- Mô tả và phân tích được thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM Đan Việt.
- Từ đó có thể rút ra được những ưu khuyết điểm của hệ thống kế toán đó, đồng thời đưa ra một số kiến nghị nhằm góp phần hoàn thiện hệ thống kế toán về xác định kết quả kinh doanh để hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp ngày càng có hiệu quả .

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài:

- Đối tượng nghiên cứu: Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương Mại Đan Việt.

- Phạm vi nghiên cứu: Tại Công ty TNHH Thương Mại Đan Việt năm 2014.

4. Phương pháp nghiên cứu :

- Các phương pháp kế toán.
- Phương pháp thống kê và so sánh.
- Phương pháp nghiên cứu tài liệu.

5. Kết cấu của khóa luận:

Ngoài lời mở đầu và kết luận, kết cấu của bài khóa luận gồm 3 chương:

- Chương 1: Lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp.

- Chương 2: Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương Mại Đan Việt.

- Chương 3: Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương Mại Đan Việt.

CHƯƠNG 1
LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH
TRONG CÁC DOANH NGHIỆP.

1.1. Nội dung của các chỉ tiêu cơ bản liên quan đến doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

* Bán hàng: là giai đoạn cuối cùng của quá trình tiêu thụ sản phẩm, nó là quá trình chuyển đổi từ hình thái hiện vật sang hình thái tiền tệ và kết thúc. Qua bán hàng phản ánh được năng lực kinh doanh của doanh nghiệp từ đó có cơ sở để tính kết quả kinh doanh.

* Doanh thu: Theo chuẩn mực kế toán số 14 “Doanh thu và thu nhập khác” trong hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam: “Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm phát triển vốn chủ sở hữu”. Nói cách khác, doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được từ hoạt động bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra hay bán hàng hóa mua vào, nhằm bù đắp chi phí và tạo ra lợi nhuận cho doanh nghiệp. Hoạt động bán hàng có ảnh hưởng rất lớn đến sự tồn tại và phát triển bền vững của doanh nghiệp.

* Doanh thu thuần: Là khoản chênh lệch giữa doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ với các khoản giảm trừ doanh thu.

Các khoản giảm trừ doanh thu:

- Chiết khấu thương mại: Là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với số lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã cam kết ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hàng hoá.

- Giảm giá hàng bán: Là khoản giảm trừ cho người mua do hàng hoá kém phẩm chất, không đúng thời hạn giao hàng, sai quy cách theo quy định trong hợp đồng.

- Trị giá hàng bán bị trả lại: Là giá trị hàng bán đã xác định tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán do hàng bị vỡ, hư hỏng không phải lỗi của khách hàng.

- Các khoản thuế:

+ Thuế TTĐB, thuế XNK.

+ Thuế GTGT đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ bán ra chịu thuế theo phương pháp trực tiếp.

* Thời điểm ghi nhận doanh thu: Doanh nghiệp phải xác định thời điểm chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu cho người mua trong từng trường hợp cụ thể. Trong hầu hết các trường hợp, thời điểm chuyển giao phần lớn rủi ro trùng với thời điểm chuyển giao lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hợp pháp hoặc quyền kiểm soát hàng hóa cho người mua

* Các hoạt động kinh doanh và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Kết quả hoạt động kinh doanh là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác trong một kỳ kế toán, là số chênh lệch giữa tổng doanh thu và tổng chi phí của các hoạt động kinh tế đã xảy ra trong doanh nghiệp.

Nếu tổng doanh thu lớn hơn tổng chi phí thì doanh nghiệp có lời, ngược lại nếu tổng doanh thu nhỏ hơn tổng chi phí thì doanh nghiệp lỗ.

1.2. Điều kiện ghi nhận doanh thu.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời năm điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;

- Doanh nghiệp không còn nắm quyền quản lý như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

- Doanh nghiệp đã thu hoặc sẽ thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

1.3. Nguyên tắc kế toán doanh thu

- Doanh thu phát sinh từ các giao dịch được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu được hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và giá trị hàng bán bị trả lại.

- Trường hợp bán theo phương thức trả chậm trả góp thì ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả ngay và ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính phần lãi trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu.

- Trường hợp trong kỳ doanh nghiệp đã viết hóa đơn bán hàng và đã thu tiền bán hàng nhưng đến cuối kỳ vẫn chưa giao hàng cho người mua thì chưa được coi là tiêu thụ và không được ghi vào tài khoản doanh thu mà chỉ ghi vào bên có TK 131 về khoản tiền đã thu của khách hàng. Khi giao hàng cho người mua thì mới ghi vào tài khoản doanh thu.

- Đối với doanh nghiệp thực hiện nhiệm vụ cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ theo yêu cầu của Nhà nước, được Nhà nước trợ cấp, trợ giá theo quy định thì doanh thu trợ cấp, trợ giá là số tiền được Nhà nước chính thức thông báo, hoặc thực tế trợ cấp, trợ giá.

- Khi hàng hóa hoặc dịch vụ được trao đổi lấy hàng hóa hoặc dịch vụ tương tự về bản chất và giá trị thì việc trao đổi đó không được coi là một giao dịch tạo ra doanh thu. Khi hàng hóa hoặc dịch vụ được trao đổi để lấy hàng hóa hoặc dịch vụ khác không tương tự thì việc trao đổi đó được coi là một giao dịch tạo ra doanh thu.

- Không hạch toán vào tài khoản doanh thu bán hàng các trường hợp sau:

+ Trị giá vật tư, hàng hóa, bán thành phẩm xuất giao cho bên nước ngoài gia công, chế biến.

+ Trị giá sản phẩm, bán sản phẩm, dịch vụ cung cấp giữa các đơn vị thành viên trong một công ty, tổng công ty hạch toán toàn ngành.

+ Trị giá sản phẩm, hàng hóa đang gửi bán, dịch vụ đã hoàn thành, đã cung cấp cho khách hàng nhưng chưa được người mua chấp nhận thanh toán.

+ Trị giá hàng gửi bán theo phương thức gửi bán đại lý, ký gửi nhưng chưa bán được.

+ Các khoản thu nhập khác không được coi là doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

- Khoản tiền người bán giảm trừ cho người mua, do người mua thanh toán tiền mua hàng trước thời hạn theo hợp đồng (chiết khấu thanh toán) không được ghi giảm doanh thu mà được coi là chi phí tài chính.

1.4. Nhiệm vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Để kế toán thực sự trở thành công cụ đắc lực cho quản lý nhằm đẩy mạnh công tác sản xuất và tiêu thụ trong các doanh nghiệp, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả cần thực hiện tốt nhiệm vụ sau:

- Tổ chức ghi chép, phản ánh kịp thời, trung thực các loại doanh thu, chi phí của từng lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp.

- Kiểm tra giám sát tình hình thực hiện kế hoạch bán hàng, doanh thu bán hàng, tình hình thanh toán tiền hàng của khách hàng, nghĩa vụ nộp thuế với Nhà nước.

- Phản ánh chính xác, đầy đủ, kịp thời, giám sát chặt chẽ tình hình hiện có và sự biến động nhập – xuất – tồn của từng loại hàng hoá hiện có trên cả hai mặt giá trị và hiện vật.

- Phản ánh và giám sát tình hình thực hiện kế hoạch tiêu thụ, doanh thu tiêu thụ, tình hình thanh toán tiền hàng của khách hàng.

- Lập và báo cáo kết quả kinh doanh đúng chế độ, kịp thời cung cấp các thông tin kinh tế cần thiết cho các bộ phận liên quan, đồng thời định kỳ tiến hành phân tích kinh tế hoạt động tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh.

1.5. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động kinh doanh.

1.5.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

* Các phương thức tiêu thụ hàng chủ yếu trong các doanh nghiệp:

- Phương pháp tiêu thụ trực tiếp: Doanh nghiệp sản xuất sản phẩm giao cho khách hàng ngay tại kho hoặc phân xưởng của doanh nghiệp, hàng xuất được chuyển giao quyền sở hữu ngay.

- Phương thức gửi hàng đi bán: Doanh nghiệp sản xuất sản phẩm gửi cho khách hàng đến địa điểm đã quy định, hàng xuất gửi đi vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp.

- Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp: Theo phương thức này, khi giao hàng cho người mua thì lượng hàng chuyển giao được xác định là tiêu thụ. Khách hàng sẽ thanh toán một phần tiền hàng ở ngay lần đầu để được nhận hàng, phần còn lại sẽ được trả dần trong một thời gian nhất định và phải chịu một khoản lãi suất đã được quy định trước trong hợp đồng.

* Chứng từ và tài khoản sử dụng:

_ Chứng từ: Tùy theo phương thức bán hàng, kế toán sử dụng các chứng từ kế toán:

- Hoá đơn GTGT.
- Hoá đơn bán hàng.
- Bảng kê bán lẻ, bán buôn hàng hoá, dịch vụ.
- Giấy nộp tiền của nhân viên bán hàng.
- Bảng kê nhận hàng và thanh toán hàng ngày.
- Bảng thanh toán hàng đại lý.
- Các chứng từ khác có liên quan.

_ Tài khoản sử dụng:

- Tài khoản 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu bán hàng là toàn bộ số tiền bán sản phẩm, hàng hoá, tiền cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả phụ thu và phụ phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có). Số tiền bán hàng này được ghi trên hoá đơn GTGT, hoá đơn bán hàng hoặc trên chứng từ có liên quan tới việc bán hàng hoặc giá thoả thuận giữa người mua và người bán.

Tài khoản 511 có 5 tài khoản cấp hai:

- + TK 5111 - Doanh thu bán hàng hoá.
- + TK 5112 - Doanh thu bán sản phẩm.
- + TK 5113 – Doanh thu cung cấp dịch vụ.

+ TK 5114 – Doanh thu trợ cấp, trợ giá.

+ TK 5117 – Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư.

-Tài khoản 512 – Doanh thu bán hàng nội bộ

Tài khoản 512 phản ánh doanh thu của số sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ trong nội bộ doanh nghiệp. Doanh thu tiêu thụ nội bộ là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hoá, sản phẩm, cung cấp dịch vụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc, hạch toán phụ thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty theo giá bán nội bộ.

Tài khoản 512 có 3 tài khoản cấp hai:

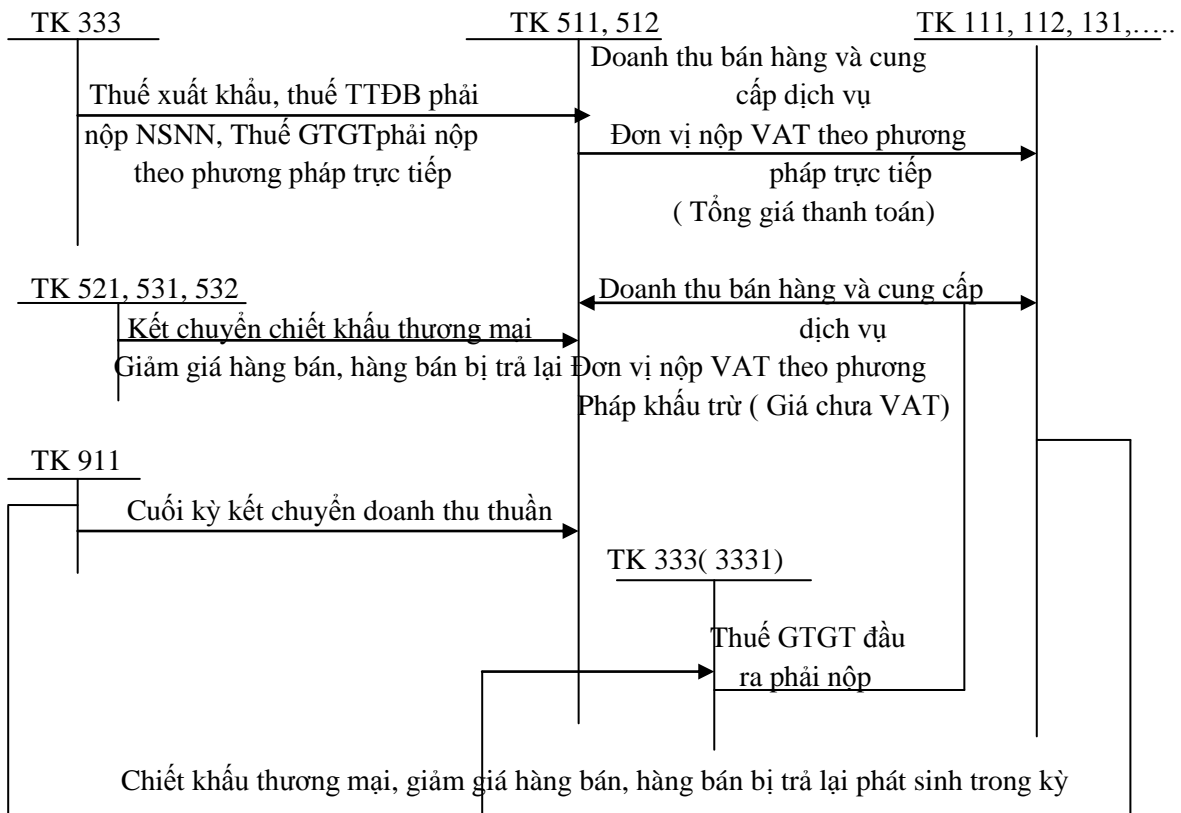
+ TK 5121 – Doanh thu bán hàng hoá.

+ TK 5122 – Doanh thu bán sản phẩm.

+ TK 5123 – Doanh thu cung cấp dịch vụ.

* Phương pháp hạch toán doanh thu:

Sơ đồ 1.1. Sơ đồ hạch toán doanh thu



1.5.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.

* Chứng từ sử dụng:

- Biên bản xác nhận hàng bán bị trả lại.
- Biên bản xác nhận giảm giá hàng bán.
- Phiếu chi.
- Giấy báo nợ
- Các chứng từ gốc khác.....

* Tài khoản sử dụng:

- Tài khoản 521 “chiết khấu thương mại” - là khoản tiền mà doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do người mua hàng đã mua sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ với khối lượng lớn theo thoả thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trong hợp đồng kinh tế mua bán hoặc cam kết mua bán hàng.

Tài khoản 521 không có số dư cuối kỳ và có 3 tài khoản cấp 2:

- + TK 5211: chiết khấu hàng hoá
- + TK 5212: chiết khấu thành phẩm
- + TK 5213: chiết khấu dịch vụ

- Tài khoản 531 “ Hàng bán bị trả lại”- Hàng bán bị trả lại là số hàng đã được coi là đã tiêu thụ (đã chuyển giao quyền sở hữu, đã thu tiền hay được người mua chấp nhận) nhưng bị người mua trả lại cho người bán do người bán không tôn trọng hợp đồng kinh tế đã ký kết như không phù hợp với yêu cầu, tiêu chuẩn, quy cách kỹ thuật, hàng kém phẩm chất...

Tài khoản 531 không có số dư cuối kỳ

- Tài khoản 532 “ Giảm giá hàng bán” - Giảm giá hàng bán là số tiền giảm trừ cho khách hàng ngoài hoá đơn hay hợp đồng cung cấp dịch vụ do các nguyên nhân đặc biệt như hàng kém phẩm chất, không đúng quy cách, giao hàng không đúng thời hạn quy định.

Tài khoản 532 không có số dư cuối kỳ.

* Quy định hạch toán:

- + Tài khoản 521: “chiết khấu thương mại”

-Trường hợp người mua hàng nhiều lần mới đạt được lượng hàng mua được hưởng chiết khấu, thì khoản chiết khấu thương mại được ghi giảm trừ vào giá bán trên hoá đơn GTGT hoặc hoá đơn bán hàng lần cuối cùng.

-Trường hợp khách hàng không tiếp tục mua hàng hoặc khi số chiết khấu thương mại người mua được hưởng lớn hơn số tiền bán hàng được ghi trên hoá đơn bán hàng lần cuối thì phải chi tiền chiết khấu cho người mua. Khoản chiết khấu thương mại trong các trường hợp này được hạch toán vào TK 521 (tài khoản này được theo dõi chi tiết cho từng khách hàng và từng loại hàng)

-Phải theo dõi chi tiết khoản chiết khấu thương mại đã thực hiện cho từng khách hàng và từng loại hàng bán

-Trong kỳ, chiết khấu thương mại thực tế phát sinh được phản ánh vào bên Nợ TK 521 – chiết khấu thương mại. Cuối kỳ, khoản chiết khấu thương mại được kết chuyển toàn bộ sang TK 511 – doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ để xác định doanh thu thuần của khối lượng sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ thực tế phát sinh trong kỳ.

+ Tài khoản 531: "Hàng bán bị trả lại"

-Tài khoản này chỉ phản ánh giá trị của số hàng bán bị trả lại (tính theo đúng đơn giá bán ghi trên hoá đơn). Các chi phí khác phát sinh liên quan đến việc hàng bán bị trả lại mà doanh nghiệp phải chi sẽ được phản ánh vào TK 641 – chi phí bán hàng.

-Trong kỳ, giá trị của sản phẩm, hàng hoá đã bán bị trả lại được phản ánh vào bên Nợ TK 531 – hàng bán bị trả lại. Cuối kỳ, tổng giá trị của hàng bán bị trả lại sẽ được kết chuyển sang tài khoản doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hoặc tài khoản doanh thu bán hàng nội bộ để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo.

-Hàng bán bị trả lại phải nhập kho thành phẩm, hàng hoá và xử lý theo chính sách tài chính hiện hành do Nhà nước quy định.

+ Tài khoản 532: "Giảm giá hàng bán"

-Khi có chứng từ xác định khoản giảm giá hàng bán cho người mua về số lượng hàng đã bán do kém chất lượng, không đúng quy cách:

> Đối với sản phẩm, hàng hoá thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ và doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ:

Nợ TK 532: giảm giá hàng bán

Nợ TK 3331: thuế GTGT phải nộp

Có TK 111, 112, 131: số tiền được giảm giá

> Đối với sản phẩm, hàng hoá không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT hoặc thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp, kế toán ghi:

Nợ TK 532: giảm giá hàng bán

Có TK 111, 112, 131: số tiền được giảm giá

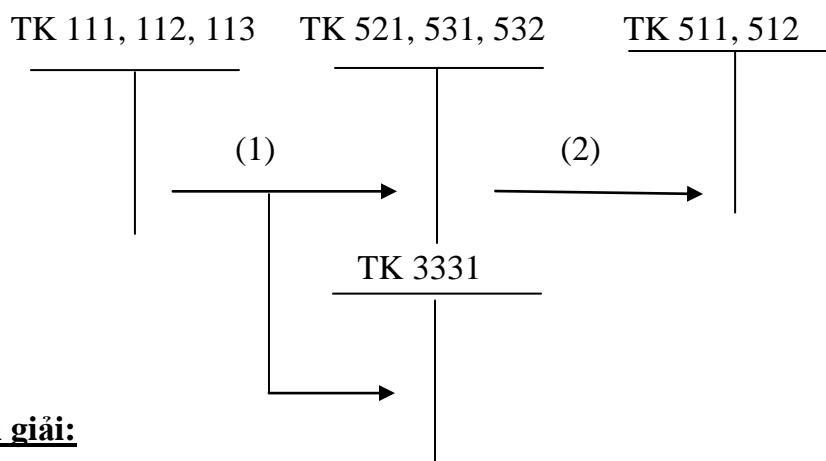
-Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ doanh thu của hàng giảm giá phát sinh trong kỳ vào tài khoản doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hoặc tài khoản doanh thu bán hàng nội bộ để xác định kết quả kinh doanh, kế toán ghi:

Nợ TK 511, 512: doanh thu bán hàng

Có TK 532: giảm giá hàng bán

*** Phương pháp hạch toán:**

Sơ đồ 1.2: sơ đồ hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu



Diễn giải:

(1): Trị giá số tiền chiết khấu thương mại thực tế phát sinh, Thuế GTGT chiết khấu thương mại

(2) Cuối kỳ kết chuyển số tiền chiết khấu thương mại đã chấp thuận cho người mua sang tài khoản doanh thu.

* Các khoản thuế làm giảm doanh thu:

Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp là các khoản thuế được xác định trực tiếp trên doanh thu bán hàng theo quy định hiện hành của các luật thuế tùy thuộc vào từng mặt hàng khác nhau. Thuế tiêu thụ đặc biệt (trường hợp được coi là một trong những khoản giảm trừ doanh thu) phát sinh trong khi doanh nghiệp cung cấp các loại sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất (hoặc các loại dịch vụ) thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt cho khách hàng. Khi đó doanh thu bán hàng được ghi nhận trong kỳ theo giá bán trả ngay đã bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt (nhưng chưa bao gồm thuế GTGT). Doanh nghiệp phải xác định phần thuế tiêu thụ đặc biệt Phải nộp vào Ngân Sách Nhà Nước căn cứ vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ.

1.5.3. Kế toán giá vốn hàng bán

* Các phương pháp xác định giá vốn hàng tồn kho

➤ Phương pháp giá thực tế đích danh: Theo phương pháp này đòi hỏi doanh nghiệp phải quản lý theo dõi hàng hoá theo từng lô hàng. Khi xuất kho hàng hoá thuộc lô hàng nào thì căn cứ vào số lượng xuất kho và đơn giá nhập kho (giá mua) thực tế của lô hàng để tính ra giá thực tế xuất kho.

➤ Phương pháp giá thực tế nhập trước – xuất trước: Hàng hoá nào nhập kho trước thì sẽ được xuất kho trước và lấy giá mua thực tế nhập kho của số hàng đó để tính làm giá thực tế của hàng xuất kho.

➤ Phương pháp giá thực tế nhập sau - xuất trước: Hàng hoá nào nhập kho sau thì sẽ được xuất kho trước và lấy giá mua thực tế nhập kho của số hàng đó để tính làm giá thực tế của hàng xuất kho.

➤ Phương pháp bình quân gia quyền:

$$\begin{array}{l} \text{Giá thực tế} \\ \text{hàng } i \\ \text{xuất kho} \end{array} = \begin{array}{l} \text{lượng thực tế} \\ \text{hàng } i \\ \text{xuất kho} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Giá đơn vị} \\ \text{bình quân} \\ \text{của hàng } i \end{array}$$

Giá đơn vị bình quân có thể được tính theo các cách sau:

- Giá đơn vị bình quân cả kỳ (bình quân gia quyền cả kỳ)

$$\begin{array}{l} \text{Giá đơn vị} \\ \text{Bình quân} \\ \text{Cả kỳ} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{giá thực tế hàng } i \\ \text{tồn đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{giá thực tế hàng } i \\ \text{nhập trong kỳ} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{lượng thực tế hàng } i \\ \text{tồn đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{lượng thực tế hàng } i \\ \text{nhập trong kỳ} \end{array}}$$

- Giá đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập (bình quân gia quyền liên hoàn)

Nghĩa là sau mỗi lần nhập kế toán phải tính toán lại giá đơn vị bình quân 1 lần.

$$\begin{array}{l} \text{Giá đơn vị} \\ \text{bình quân} \\ \text{sau lần nhập } j \end{array} = \frac{\text{Giá thực tế hàng tồn kho sau lần nhập } j}{\text{Lượng thực tế hàng tồn kho sau lần nhập } j}$$

* Chứng từ sử dụng:

-Phiếu xuất kho

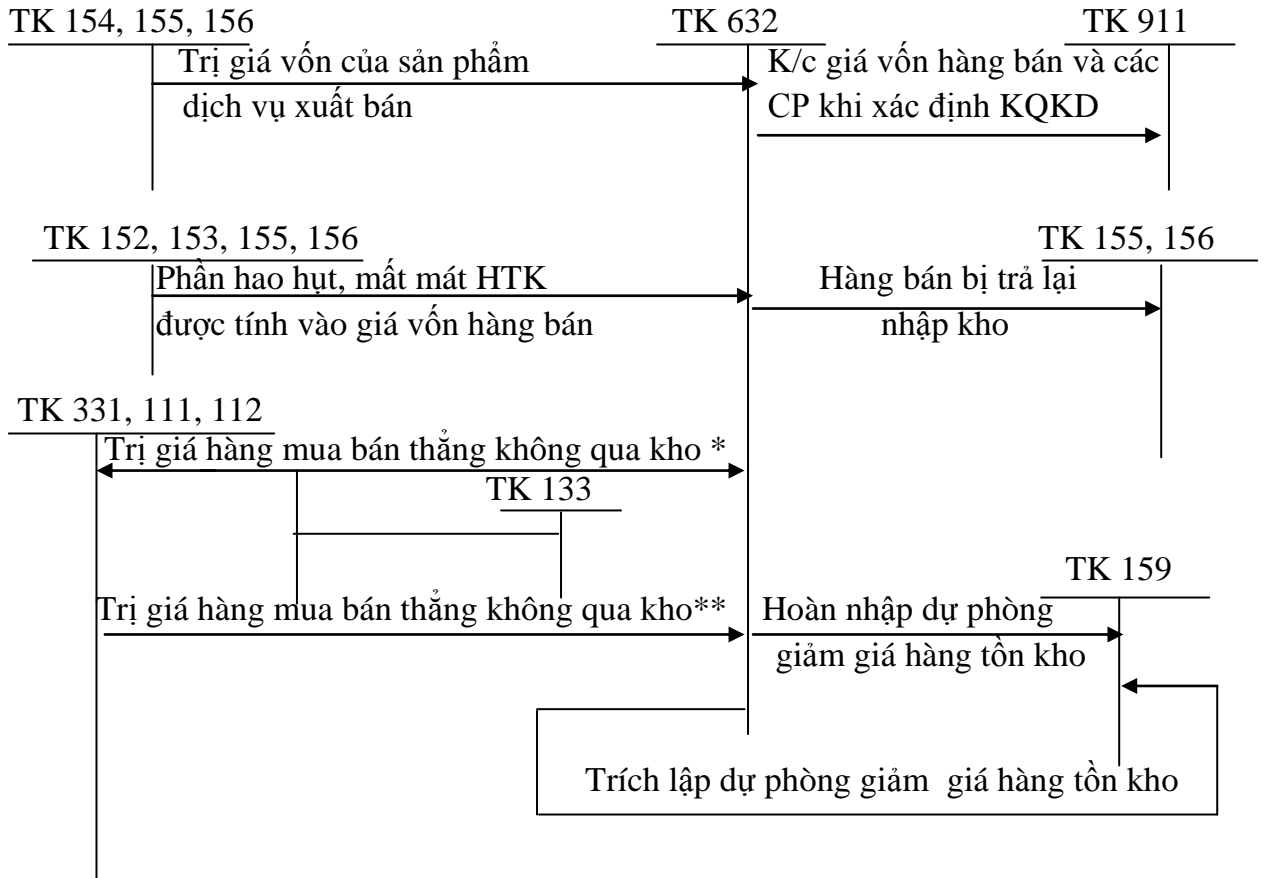
-Hoá đơn bán hàng

* Tài khoản sử dụng: Kế toán sử dụng TK 632 – Giá vốn hàng bán - Giá vốn hàng bán là giá thực tế xuất kho (bao gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hoá bán ra trong kỳ - đối với doanh nghiệp thương mại, hoặc là giá thành thực tế của lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định là tiêu thụ và các khoản khác được tính vào giá vốn để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ. Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ

* Phương pháp hạch toán

- Đối với doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên

Sơ đồ 1.3a: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên

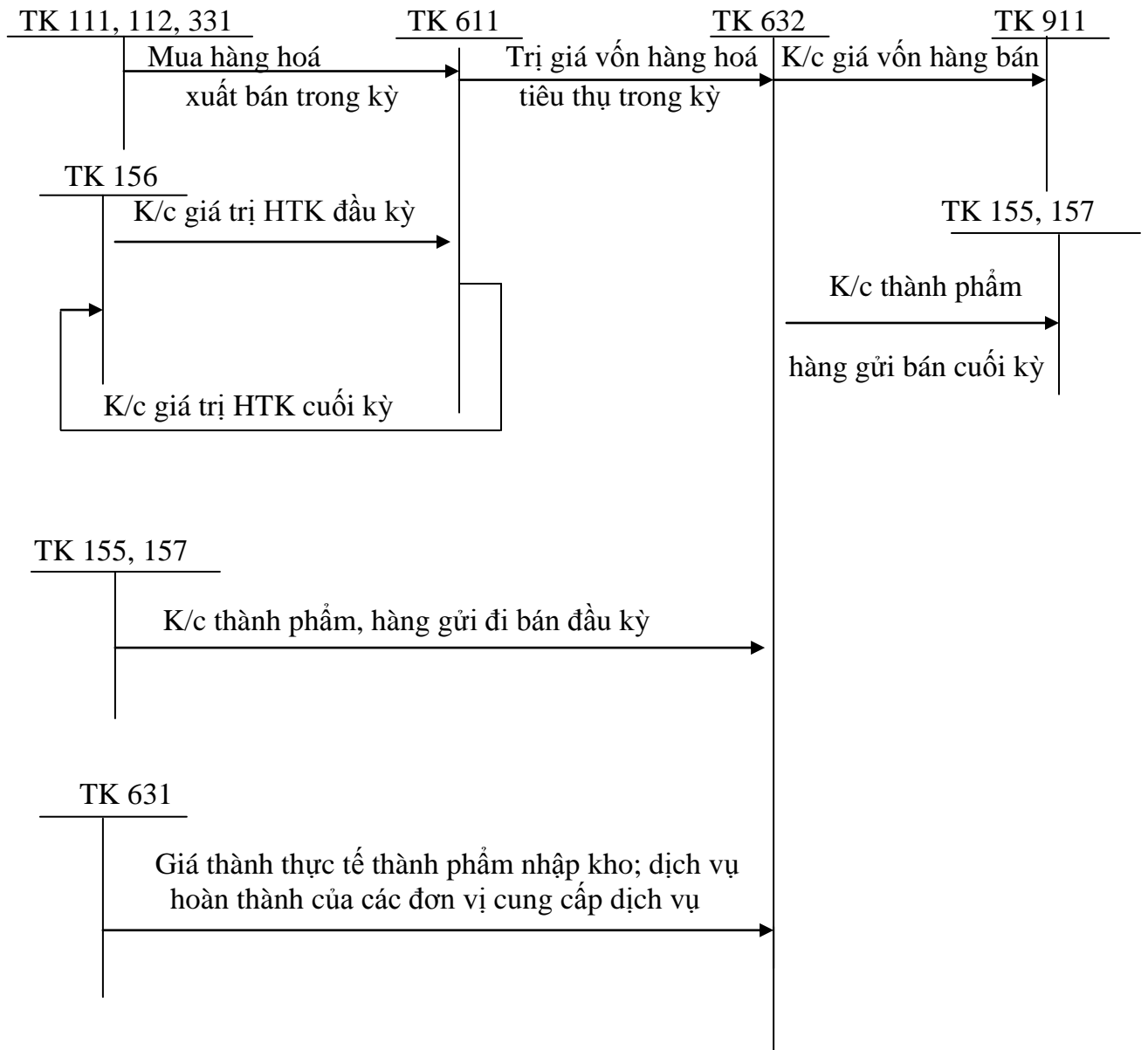


(*) Trường hợp doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ

(**) Trường hợp doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.

- Đối với doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai định kỳ.

Sơ đồ 1.3b: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai định kỳ.



1.5.4. Kế toán chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp

* Chứng từ sử dụng.

- Phiếu chi, uỷ nhiệm chi.
- Phiếu xuất kho, các hợp đồng dịch vụ mua ngoài...

*Tài khoản kế toán sử dụng:

- Kế toán sử dụng TK641- Chi phí bán hàng - Chi phí bán hàng là các chi phí phát sinh trong quá trình tiêu thụ hàng hoá để phục vụ cho khâu bán

hàng. Đó là các khoản chi phí quảng cáo, tiếp thị, giao hàng, giao dịch; bảo hành sản phẩm, hàng hoá; hoa hồng bán hàng; lương nhân viên bán hàng và các chi phí gắn liền với việc bảo quản hàng hoá.

TK 641 có các tài khoản cấp 2 sau:

TK 6411: Chi phí nhân viên.

TK 6412: Chi phí vật liệu, bao bì.

TK 6413: Chi phí dụng cụ, đồ dùng.

TK 6414: Chi phí khấu hao TSCĐ.

TK 6415: Chi phí bảo hành.

TK 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài.

TK 6418: Chi phí bằng tiền khác.

- Kế toán sử dụng TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp - CPQLDN là các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm: tiền lương nhân viên, bộ phận quản lý; chi phí vật liệu văn phòng; khấu hao TSCĐ; thuế nhà đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi và các chi phí khác bằng tiền.

TK 642 có các tài khoản cấp 2 sau:

TK 6421: Chi phí nhân viên quản lý.

TK 6422: Chi phí vật liệu quản lý.

TK 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng.

TK6424: Chi phí khấu hao TSCĐ.

TK 6425: Thuế, phí và lệ phí.

TK 6426: Chi phí dự phòng.

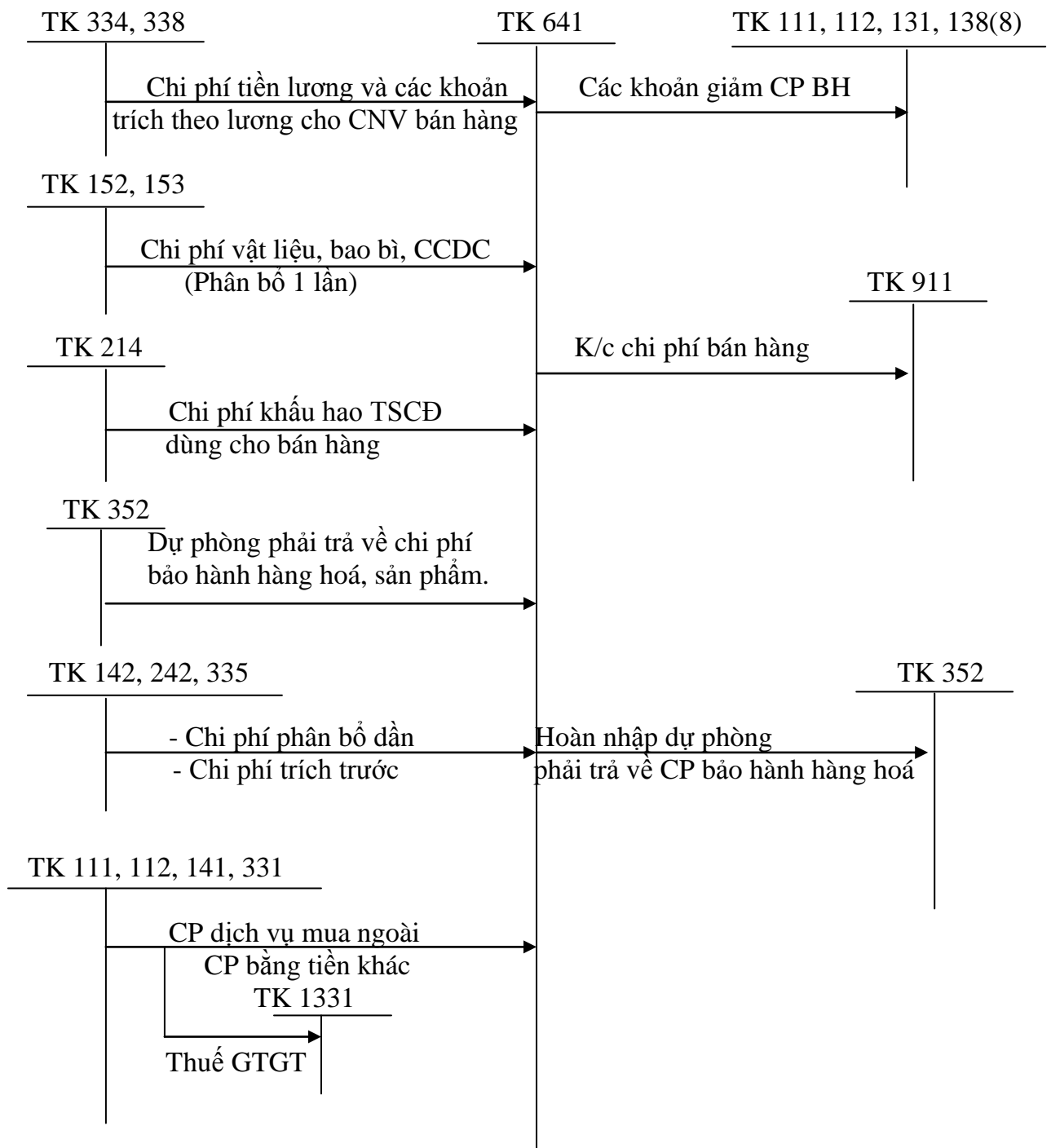
TK 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài.

TK 6428: Chi phí bằng tiền khác.

*** Phương pháp hạch toán:**

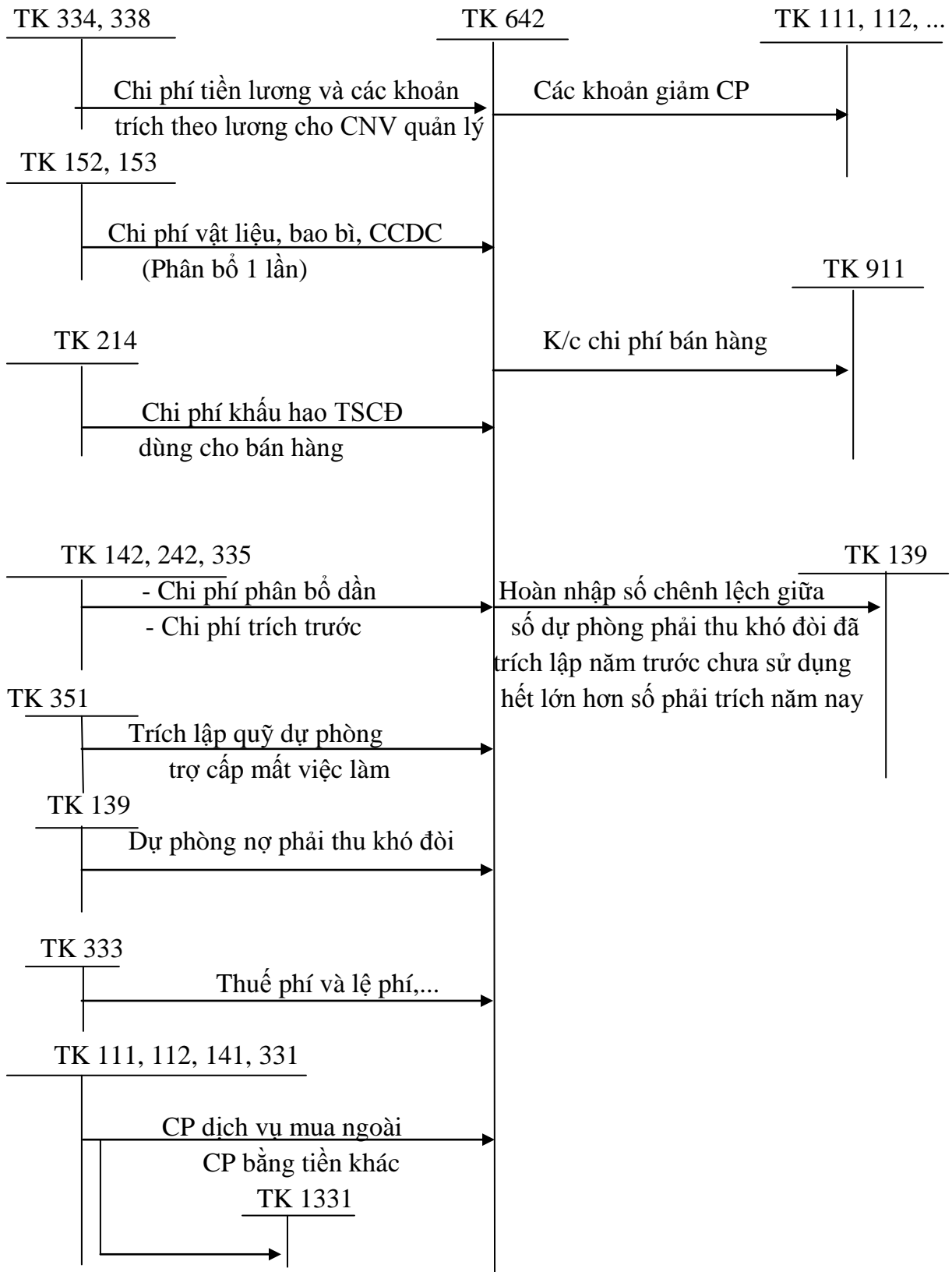
- TK 641:

Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán chi phí bán hàng



- TK 642:

Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp



1.5.5. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

* Chứng từ sử dụng:

- Tờ khai thuế TNDN tạm nộp, biên lai nộp thuế
- Các chứng từ kế toán có liên quan

* Tài khoản sử dụng:

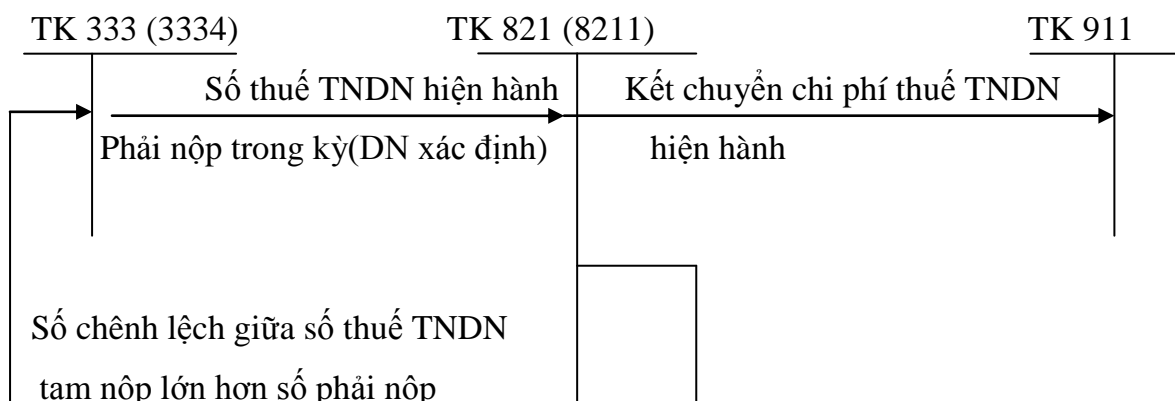
Kế toán sử dụng TK 821 – chi phí thuế TNDN - Thuế thu nhập doanh nghiệp là loại thuế trực thu, đánh trực tiếp vào thu nhập chịu thuế của cơ sở sản xuất kinh doanh hàng hoá, dịch vụ sau khi đã trừ đi các khoản chi phí liên quan đến việc tạo ra doanh thu và thu nhập chịu thuế của cơ sở sản xuất kinh doanh.

Tài khoản 821 không có số dư cuối kỳ và có 2 tài khoản cấp 2:

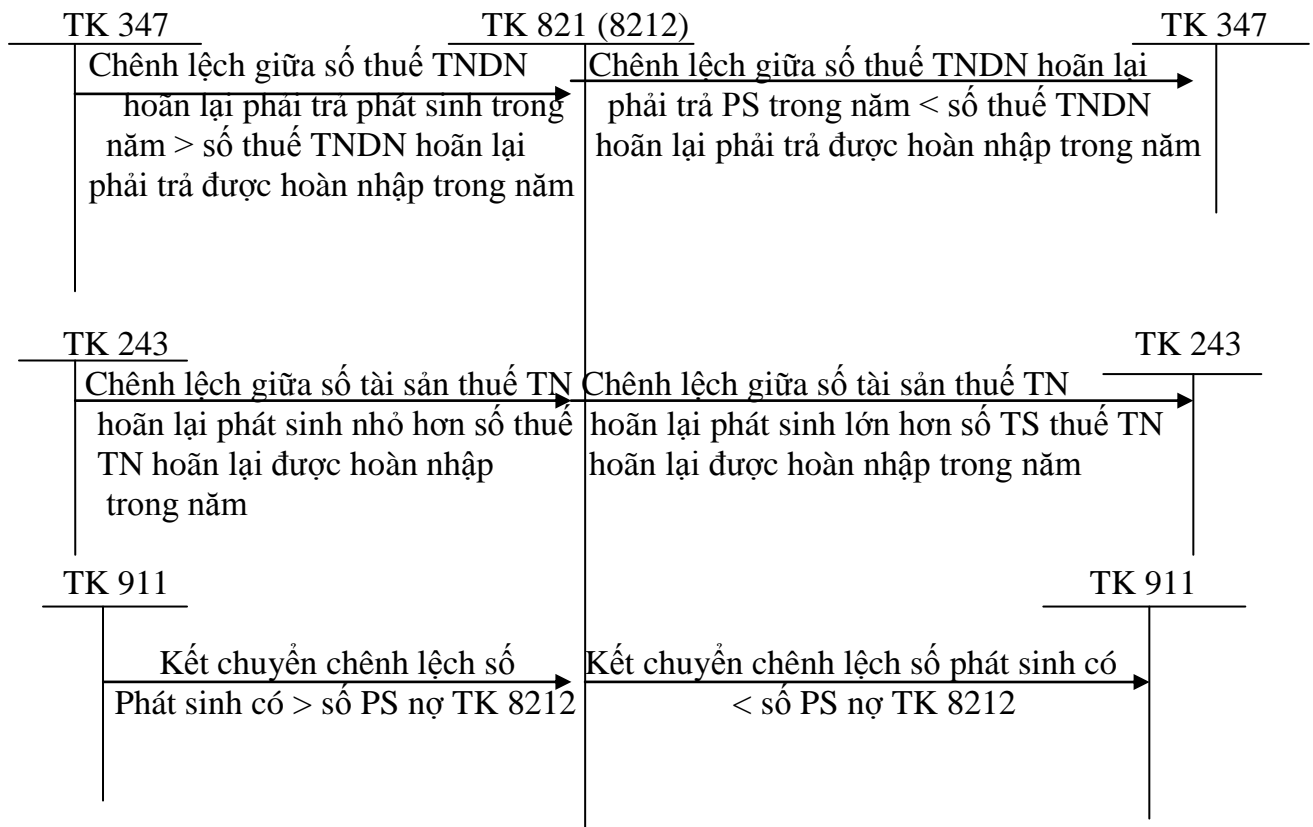
- + TK 8211 - Chi phí thuế TNDN hiện hành
- +TK 8212 – Chi phí thuế TNDN hoãn lại

* Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 1.6: Sơ đồ hạch toán chi phí thuế TNDN hiện hành



Sơ đồ 1.7: Sơ đồ hạch toán chi phí thuế TNDN hoãn lại



1.5.6. Kế toán kết quả hoạt động sản xuất – kinh doanh (bán hàng)

* Chứng từ sử dụng:

- Phiếu kết chuyển

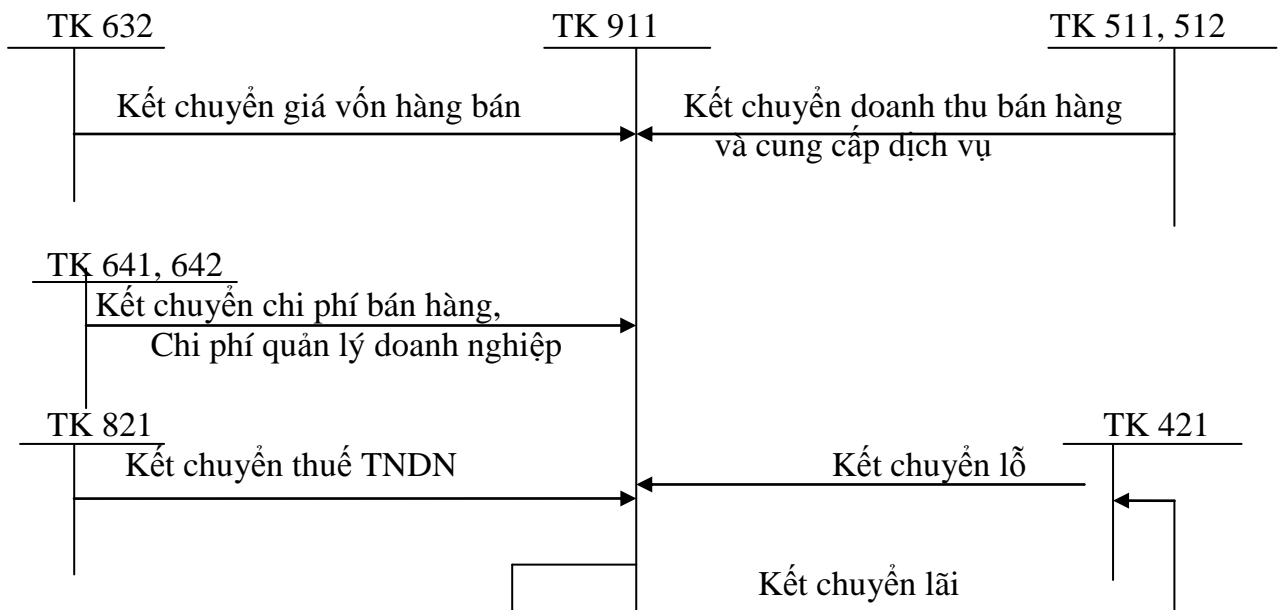
* Tài khoản sử dụng:

Kế toán sử dụng TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ.

* Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 1.8: Sơ đồ xác định kết quả hoạt động kinh doanh



1.6. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động tài chính

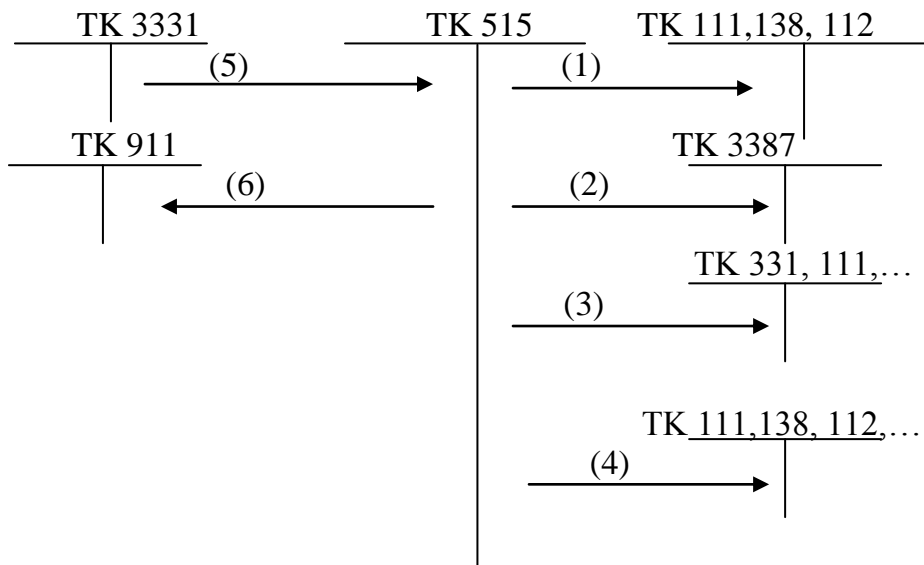
* **Doanh thu tài chính:** là những khoản thu về tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia ...

+ Chứng từ sử dụng: giấy báo có ngân hàng , các chứng từ có liên quan.

+ Tài khoản sử dụng: TK 515 phản ánh doanh thu tài chính

+ Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 1.9: Sơ đồ hạch toán doanh thu tài chính



Diễn giải:

- (1): Doanh thu cổ tức, lợi nhuận được chia
- (2): Kết chuyển lãi bán hàng trả chậm, trả góp
- (3): Chiết khấu thanh toán được hưởng
- (4): lãi do bán chứng khoán, kinh doanh ngoại tệ, lãi cho vay, lãi tiền gửi
- (5): số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp
- (6): Cuối kỳ, kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính sang TK 911

*** Chi phí hoạt động tài chính**

+ Chứng từ sử dụng:

- Phiếu tính lãi
- Phiếu chi,..

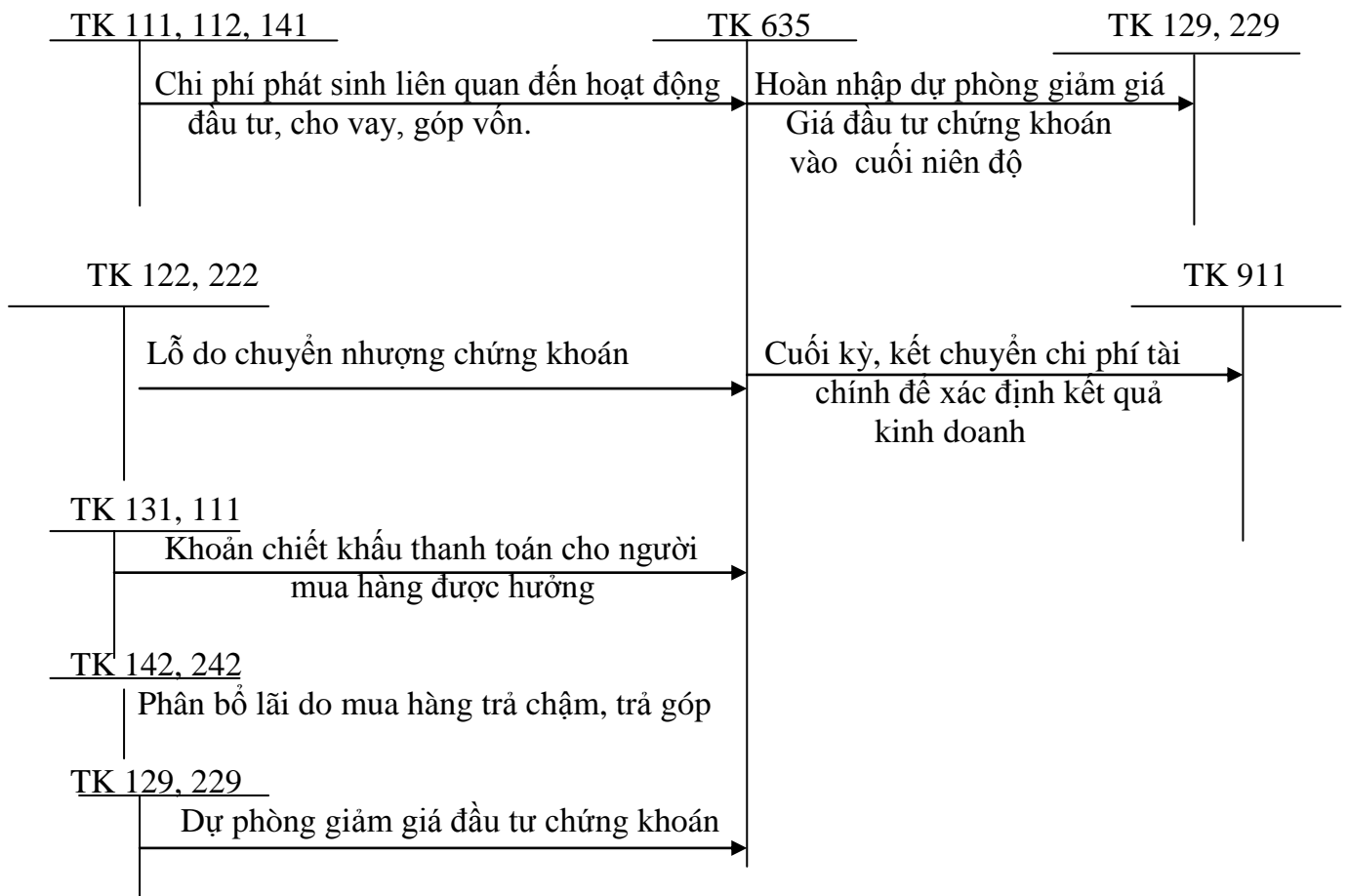
+Tài khoản sử dụng:

Kế toán sử dụng TK 635 – Chi phí tài chính - Chi phí tài chính là những chi phí và những khoản chi liên quan đến hoạt động về vốn, các hoạt động về đầu tư tài chính như: lỗ do chuyển nhượng chứng khoán, lỗ do góp vốn liên doanh, các chi phí cho vay và đi vay...

Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ.

+ Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 1.10: Sơ đồ hạch toán chi phí tài chính



1.7. Nội dung kế toán thu nhập, chi phí và kết quả hoạt động khác.

* **Thu nhập khác**: là những khoản thu nhập khác ngoài hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp như: thu nhập ừ nhượng bán, thanh lý TSCĐ, thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng,

* **Chi phí khác** là những khoản chi phí của hoạt động ngoài các hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp, những khoản lỗ do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp gây ra, cũng có thể là những khoản chi phí bị bỏ sót từ những năm trước.

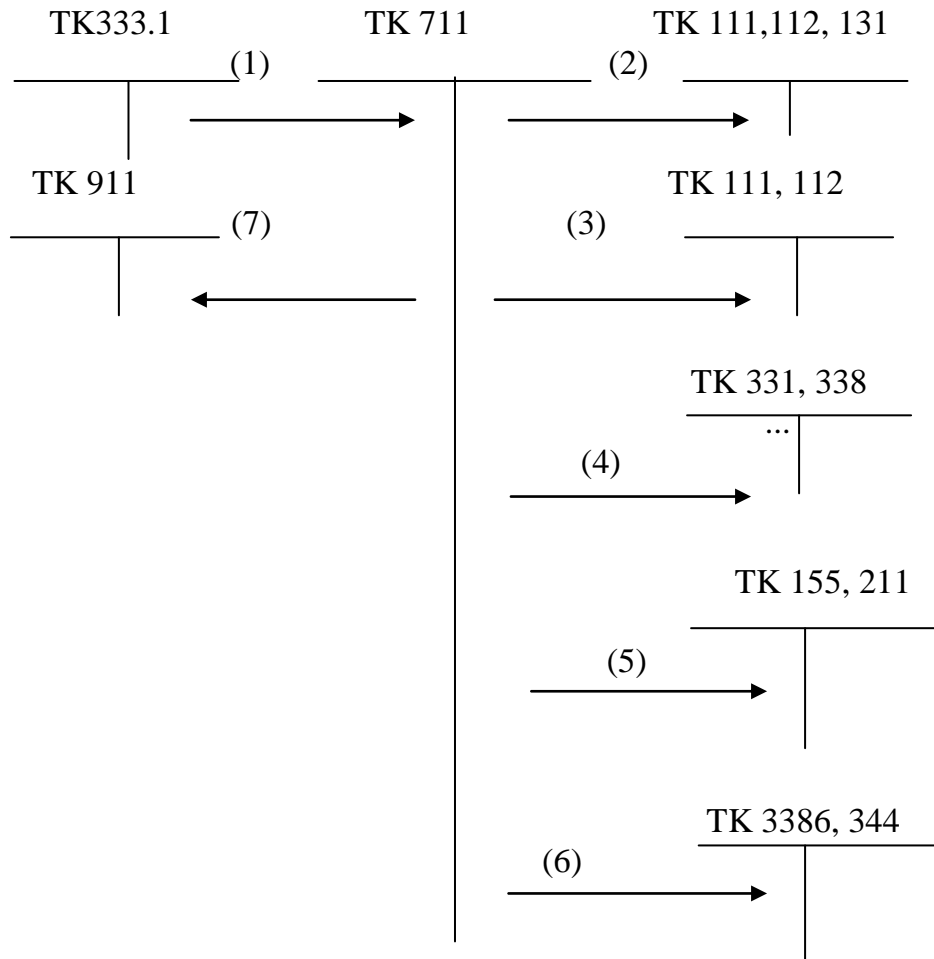
+ Chứng từ sử dụng: Biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ, biên bản góp vốn liên doanh, phiếu thu, các chứng từ khác có liên quan .

+ Tài khoản sử dụng: TK 711 - phản ánh doanh thu khác

+ Tài khoản sử dụng: TK 811 - phản ánh thu nhập khác

* Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 1.11: Sơ đồ hạch toán doanh thu khác



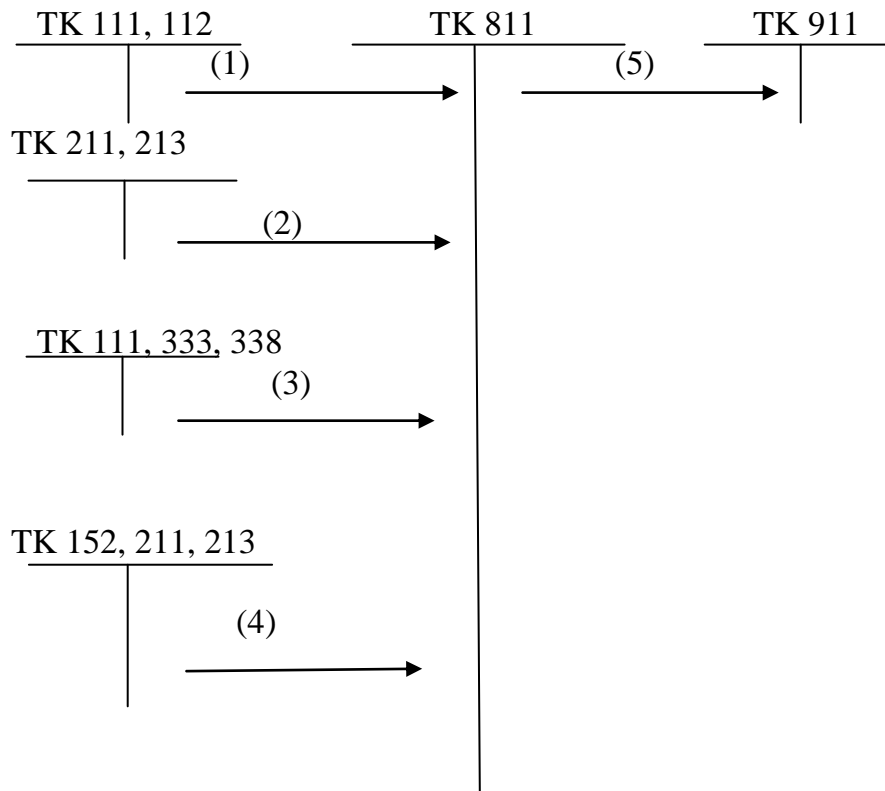
Diễn giải:

- (1): Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp
- (2): Thu tiền từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ
- (3): Thu phạt khách hàng, thu bồi thường của cơ quan bảo hiểm, thu khoản nợ khó đòi đã xử lý xoá sổ, được hoàn thuế GTGT, xuất khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt.
- (4): Thu các khoản nợ không xác định được chủ
- (5): Hàng hóa, tài sản cố định được tài trợ, biếu tặng
- (6): Thu phạt khách hàng bằng cách trừ vào tiền ký quỹ
- (7): Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ thu nhập khác

* Chi phí khác:

+Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 1.12: Sơ đồ hạch toán chi phí khác

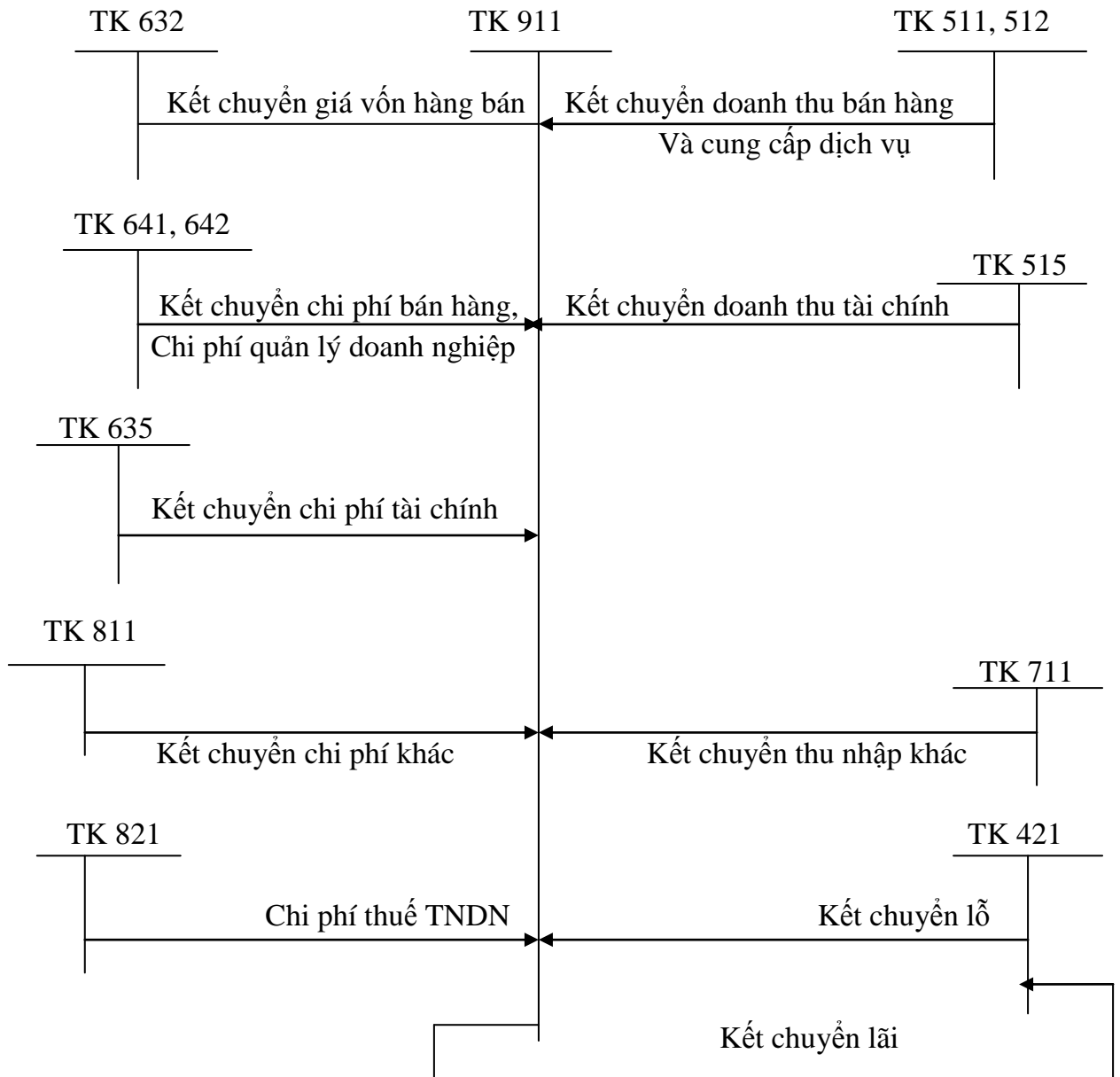


Diễn giải:

- (1): Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ
- (2): Ghi giảm TSCĐ đã nhượng bán, thanh lý
- (3): Các khoản tiền phạt do vi phạm hợp đồng
- (4): Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, tài sản đem góp vốn
- (5): Cuối kỳ kết chuyển chi phí khác để xác định kết quả kinh doanh

1.8. Tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh toàn doanh nghiệp.

Sơ đồ 1.13: Sơ đồ hạch toán tổng hợp doanh thu, chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh



1.9. Đặc điểm kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh theo các hình thức kế toán:

Các hình thức kế toán bao gồm:

- + Hình thức Nhật ký chung
- + Hình thức Nhật Ký – sổ cái
- + Hình thức Chứng từ - ghi sổ
- + Hình thức Nhật ký - chứng từ
- + Hình thức kế toán trên máy vi tính

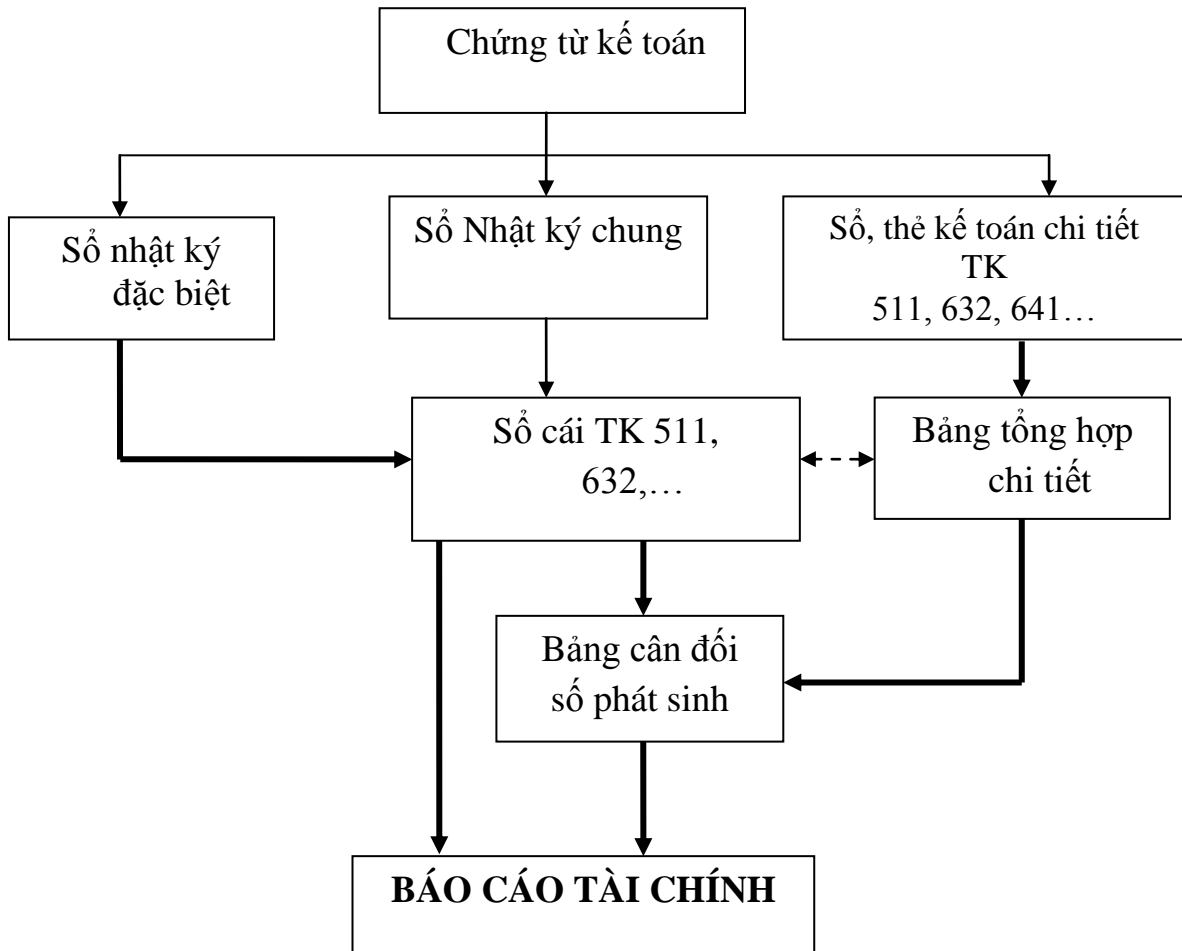
Sơ đồ 1.14: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung

Ghi chú:

Ghi hằng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ: \longrightarrow

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra: \longleftrightarrow



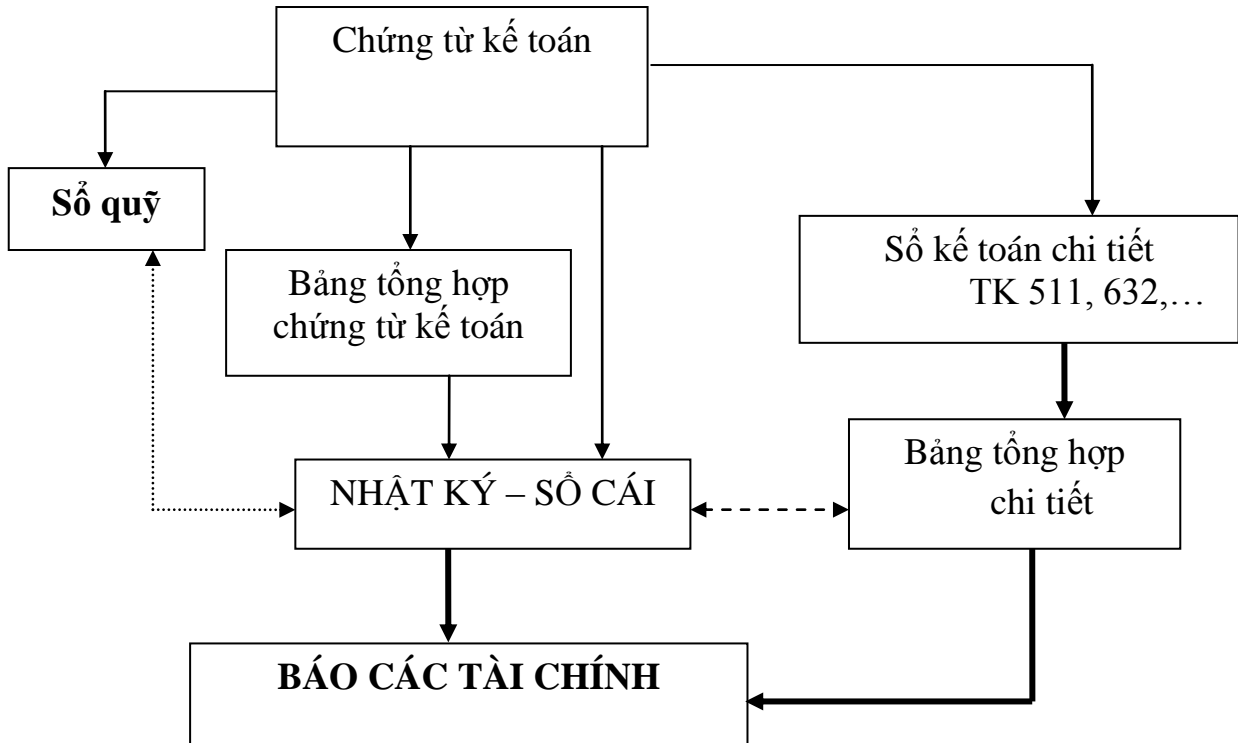
Sơ đồ 1.15: trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký – sổ cái

Ghi chú:

Ghi hằng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ: \longrightarrow

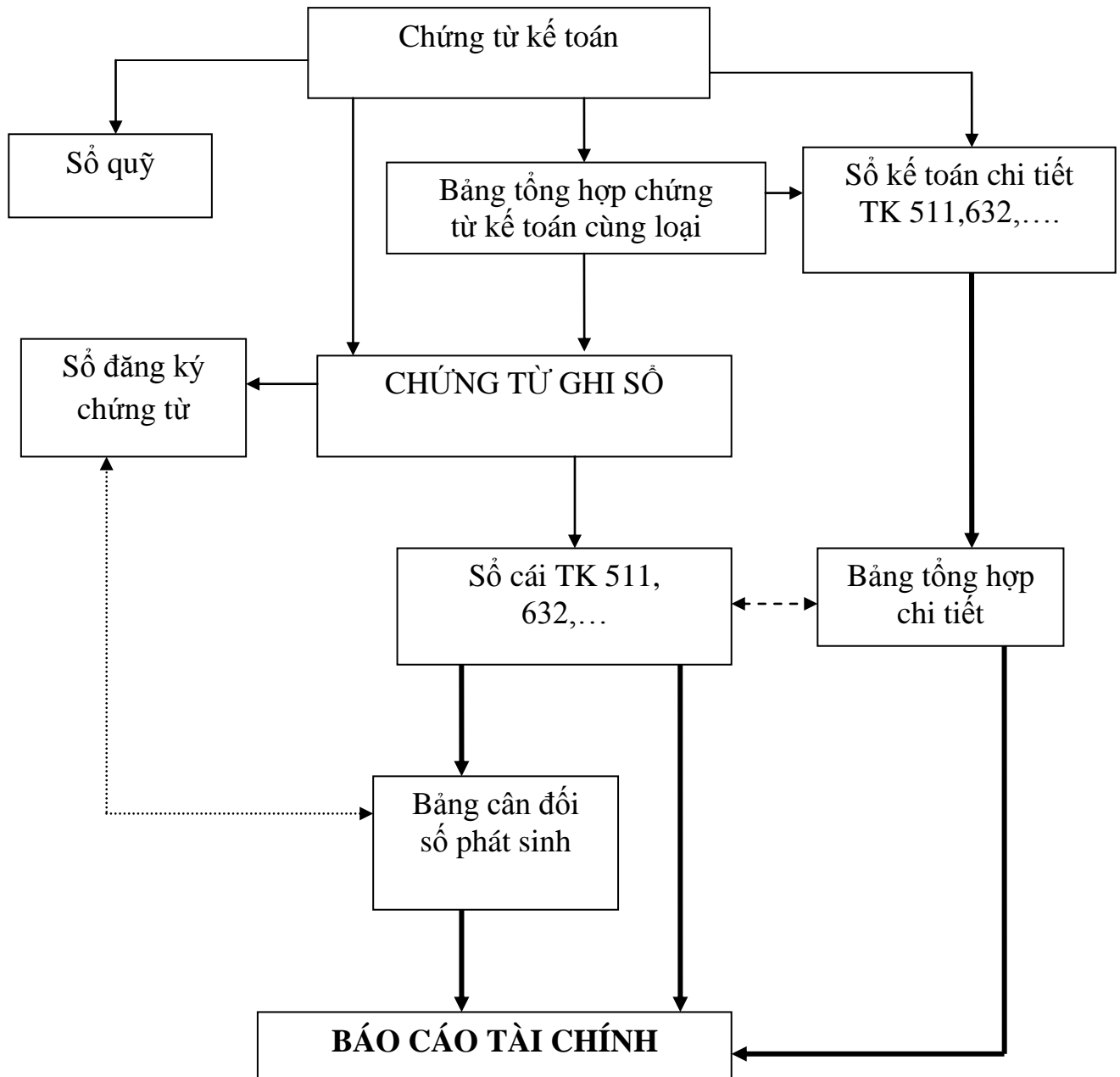
Quan hệ đối chiếu, kiểm tra: \longleftrightarrow



Sơ đồ 1.16: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức chứng từ ghi sổ

Ghi chú:

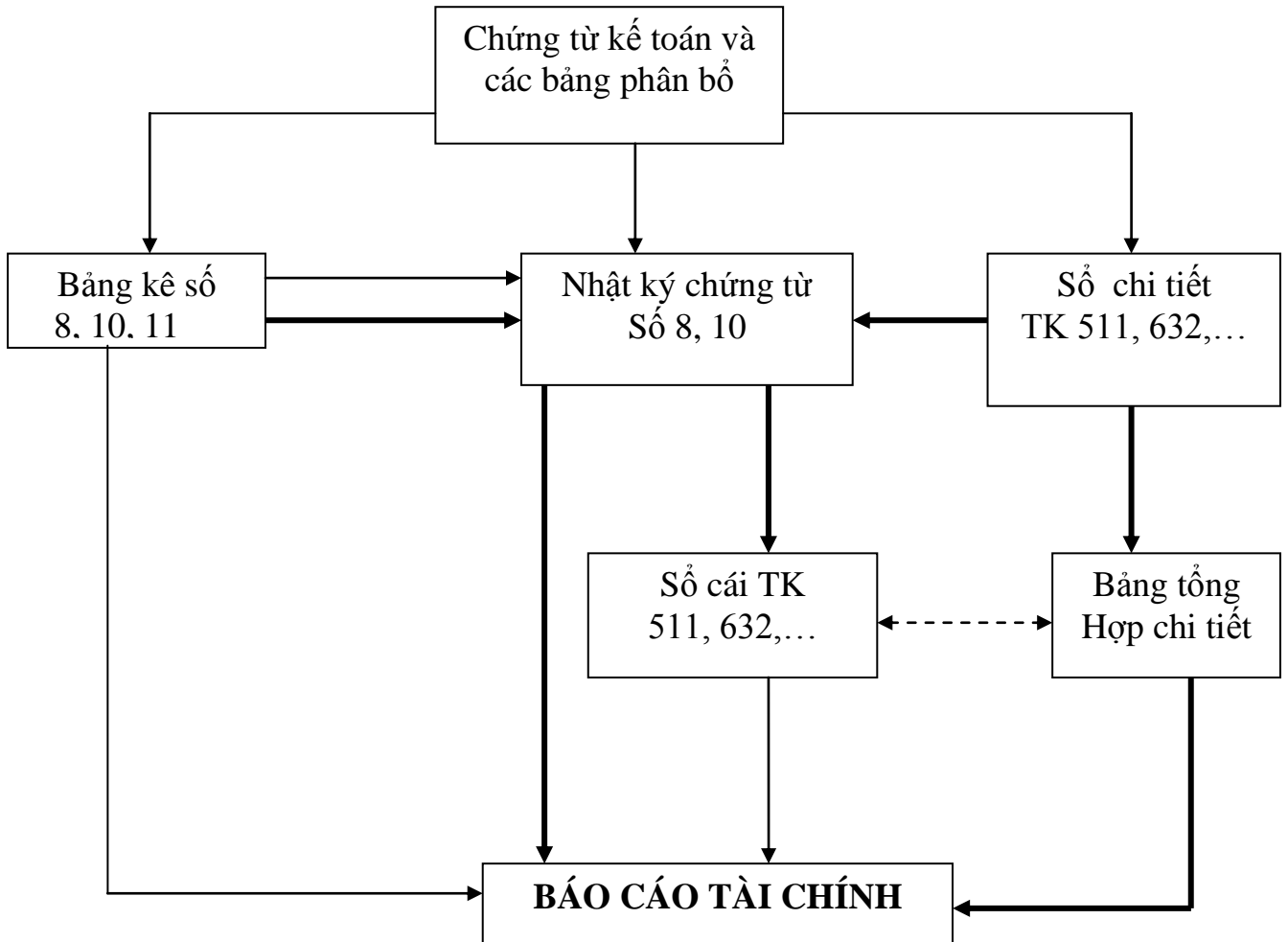
- Ghi hằng ngày:
- Ghi cuối tháng hoặc định kỳ:
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra:



**Sơ đồ 1.17: trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán
Nhật ký – Chứng từ**



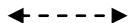
Ghi chú:

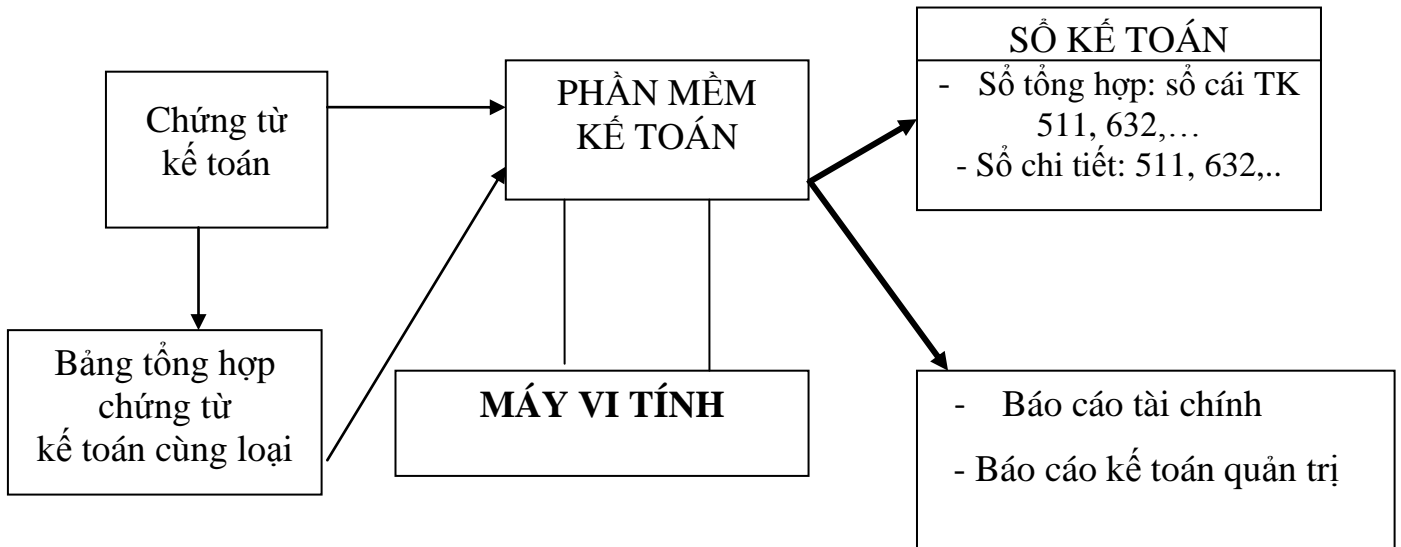
- Ghi hằng ngày: \longrightarrow
- Ghi cuối tháng hoặc định kỳ: \longrightarrow
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra: \longleftrightarrow



Sơ đồ 1.18: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy

Ghi chú:

- Ghi hằng ngày: 
- Ghi cuối tháng hoặc định kỳ: 
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra: 



CHƯƠNG 2
THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH
TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI ĐAN VIỆT

2.1. Đặc điểm chung ảnh hưởng đến công tác hạch toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM Đan Việt.

2.1. 1. Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty TNHH TM Đan Việt.

- Công ty TNHH Thương mại Đan Việt được thành lập ngày 03/08/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo số 0200681388 (thay đổi lần 1 ngày 27/10/2011).

- Tên đầy đủ: Công ty TNHH Thương Mại Đan Việt

- Trụ sở chính: Số 5/180 Chùa Hàng - Phố Hồ Nam - Quận Lê Chân – TP.Hải Phòng.

- Tel: 0313956399. Fax: 0313956399.

- Vốn điều lệ ban đầu là của công ty ban đầu là 3,8 tỷ đồng sau 5 năm tăng lên 6,8 tỷ đồng.

- Công ty là một doanh nghiệp có tư cách pháp nhân, có quyền và nghĩa vụ dân sự theo luật định. Hạch toán kế toán độc lập, được sử dụng con dấu riêng theo quy định của Nhà nước và hoạt động theo điều lệ của công ty.

- Loại hình doanh nghiệp: Công ty TNHH

** Lĩnh vực kinh doanh của công ty bao gồm:*

Cung ứng, phân phối các sản phẩm thép Xây dựng có Thương hiệu mạnh như: Thép Việt HànThép Việt Úc, Thép Việt Ý, Hoà Phát, Miền Nam, TISCO, POMINA... với các tiêu chuẩn về mác thép được Hiệp hội xây dựng Việt Nam và Cộng đồng chấp thuận.

** Thực trạng tài chính của công ty trong 3 năm qua*

Sau đây là bảng báo cáo kết quả kinh doanh của công ty TNHH TM Đan Việt trong 3 năm 2012 - 2013-2014:

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2013	Năm 2012
1. Tổng Doanh thu thuần	138.641.468.487	136.511.228.666	131.005.643.768
2. Tổng GVHB	135.037.073.744	134.000.933.744	129.632.143.327
3. Tổng lợi nhuận gộp	3.604.394.743	2.510.294.922	1.373.500.441
4. Tổng LNST	915.277.991	728.369.828	610.134.519
5. Thu nhập BQ 1 lao động/ tháng	4.525.668	3.655.618	3.016.512
6. Thuế và các khoản nộp NSNN	2.032.255.426	955.688.756	740.980.621
7. Vốn kinh doanh BQ	6.800.000.000	6.800.000.000	6.800.000.000

Từ các số liệu trên đây chúng ta có thể thấy được sự phát triển của công ty qua 3 năm gần đây nhất. Năm 2014 công ty đã có bước tăng trưởng đáng kể đặc biệt tổng doanh thu tăng thêm gần 2 tỷ đồng so với năm 2013 và tăng gần 8 tỷ. Chứng tỏ hoạt động kinh doanh của công ty đã mở rộng và uy tín của công ty với các khách hàng ngày càng tăng. Lợi nhuận sau thuế của công ty năm 2014 so với năm 2013 và 2012 cũng tăng thêm gần 187 triệu đồng và 305.143.472 đồng.

Đời sống vật chất của cán bộ công nhân viên ngày càng nâng cao. Thu nhập bình quân đầu người đã tăng từ 3.016.512/ người năm 2012 lên 3.655.618/ người năm 2013 và tăng lên 4.525.668/người năm 2014 đây là một sự động viên khích lệ đối với người lao động và làm cho người lao động gắn bó hơn với công ty.

Xuất phát điểm là một công ty phân phối thép xây dựng nhỏ, sau 9 năm phấn đấu không mệt mỏi ngay trong những năm tháng biến động, suy thoái kinh tế (2008 - 2013), những gì mà Đan Việt làm được thật đáng trân trọng. Đan Việt giờ đây đã vững vàng là nhà phân phối thép uy tín hàng đầu với một danh mục sản phẩm thép xây dựng đa dạng từ chủng loại đến giá cả, phù hợp với mọi nhu cầu của người tiêu dùng.

Đặt khách hàng lên trên hết, ngay từ những ngày đầu khởi nghiệp, Công ty TNHH Thương mại Đan Việt đã coi "khách hàng là tài sản", tập thể cán bộ cũng như nhân viên Công ty luôn cố gắng mang lại sự hài lòng, tin tưởng cho khách hàng. Đó là tài sản vô hình nhưng lại rất vô giá đối với Công ty Đan Việt. Chính vì thế, không hề ngạc nhiên khi khách hàng của Công ty Đan Việt lên tới con số hàng trăm: Không kể những khách ruột trên địa bàn Công ty hoạt động, ngày càng nhiều khách hàng từ Hà Nội, Nam Định, Ninh Bình hay Quảng Ninh... tìm đến với Công ty.

2.1.2. Đặc điểm sản phẩm, tổ chức sản xuất – kinh doanh tại công ty TNHH TM Đan Việt.

** Đặc Điểm sản phẩm:*

Hàng hoá kinh doanh tại Công ty là các loại sắt thép xây dựng như thép cây D10, D12, D14, D16, thép cuộn như: D8 trơn, thép D6, thép D8 Gai VPS... Nguồn cung ứng chính là Công ty gang thép Thái Nguyên, số lượng hàng hoá mỗi lần nhập thường lớn và nhiều chủng loại khác nhau.

Thị trường tiêu thụ hàng hoá không những ở Hà Nội mà còn phân bố rộng rãi ở các tỉnh miền Bắc: Bắc Ninh, Thanh Hoá, Nam Định, Hoà Bình, Hải Dương, Thái Nguyên....

** Quy trình bán hàng của công ty TNHH Thương mại Đan Việt.*

Bao gồm 3 giai đoạn chủ yếu như sau:

Giai đoạn 1: Nhận đơn hàng của khách hàng

Giai đoạn 2: Duyệt đơn hàng.

Giai đoạn 3: Thỏa thuận và tiếp nhận thông tin làm hợp đồng mua bán.

Giai đoạn 4: Tổ chức bán hàng, giao hàng và xuất hóa đơn theo Hợp đồng.

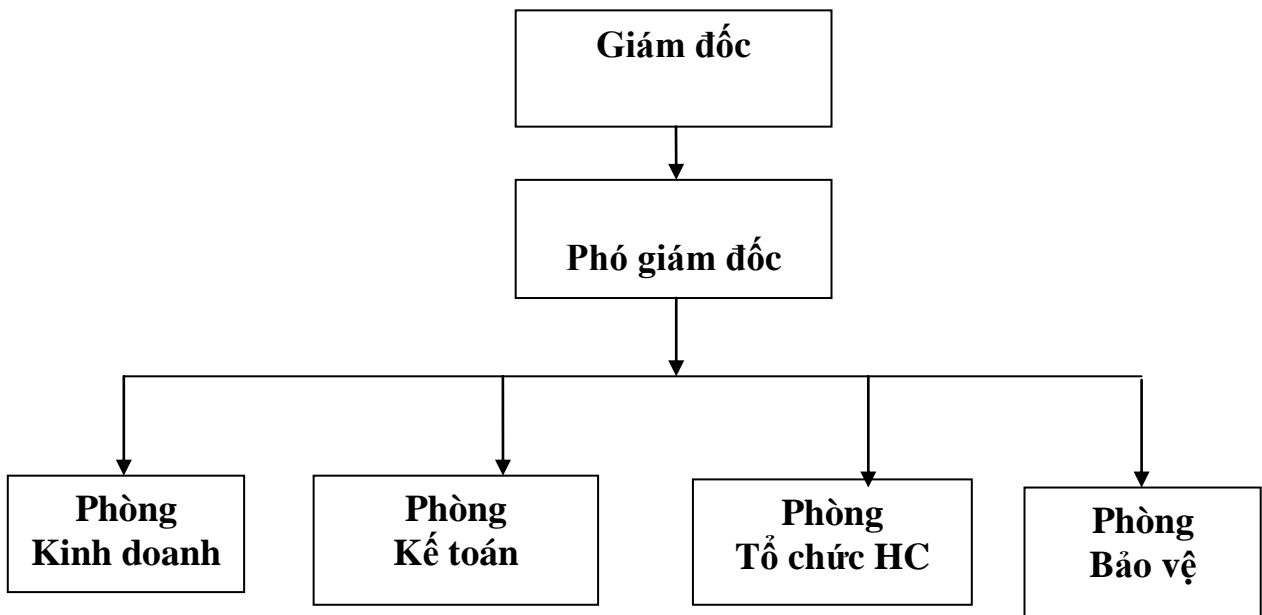
2.1.3. Đặc điểm doanh thu và chi phí tại Công ty TNHH TM Đan Việt

Là một công ty thương mại nhỏ nên các khoản mục chi phí của Công ty tương đối đơn giản. Chi phí của Công ty chủ yếu là: chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, giá vốn hàng bán. Trong đó chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng chi phí của Công ty là Giá vốn hàng bán.

Mặt khác từ đặc điểm của Công ty là doanh nghiệp nhỏ chủ yếu là hoạt động kinh doanh thương mại nên Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là doanh thu chủ yếu. Ngoài ra Doanh thu hoạt động tài chính và Doanh thu khác chiếm tỷ lệ nhỏ trong tổng doanh thu.

2.1.4. Đặc điểm cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của công ty TNHH TM Đan Việt

Sơ đồ 2.1: Bộ máy quản lý của Công ty TNHH Thương Mại Đan Việt:



- Giám đốc: Là người đại diện cho công ty trước pháp luật, chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của công ty, quyết định đến vấn đề liên quan đến mục đích lợi ích của công ty trước pháp luật.

- Phó giám đốc: Là người trực tiếp nhận nhiệm vụ của giám đốc. Thay mặt giám đốc khi giám đốc vắng mặt, trực tiếp quản lý các bộ phận trong công ty.

- Phòng kinh doanh: làm nhiệm vụ marketing, bán hàng và thu tiền.

- Phòng kế toán: làm nhiệm vụ tham mưu cho giám đốc về các vấn đề kế toán, vốn và quản lý vốn, hạch toán sổ kế toán và chuyên môn hoá các hoạt động kế toán.

- Phòng tổ chức hành chính : là phòng có chức năng tham mưu cho giám đốc về công tác quản lý cán bộ, lao động, tiền lương, hành chính quản trị. Đồng thời giải quyết các công việc liên quan đến quyền lợi của người lao động trong doanh nghiệp theo quy định đảm bảo tính dân chủ trong quản lý và trong các vấn đề chung của công ty.

- Phòng bảo vệ: Đảm bảo an ninh trật tự, làm nhiệm vụ quản lý giữ gìn cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật trong công ty.

2.1.5. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán và chính sách kế toán áp dụng tại công ty TNHH TM Đan Việt

Công ty TNHH Thương Mại Đan Việt là một doanh nghiệp có hệ thống kế toán độc lập, mô hình tổ chức tập trung.

* Niên độ kế toán: từ 01/01 đến 31/12 năm báo cáo

* Đơn vị tiền tệ sử dụng: Đồng Việt Nam.

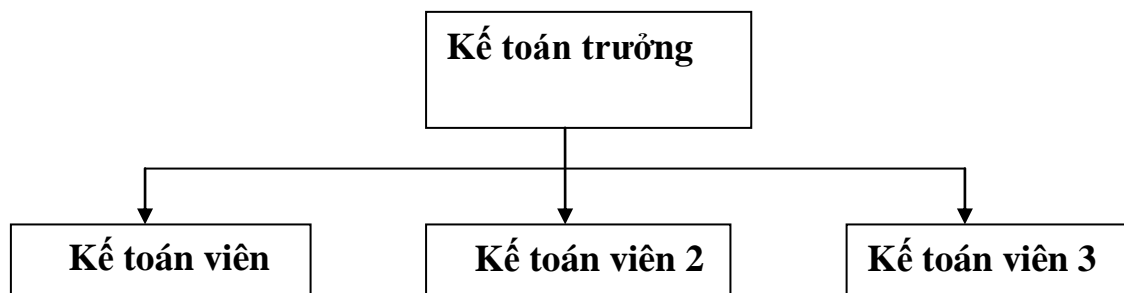
* Chế độ kế toán: Theo Quyết định số 15.

* Phương pháp áp dụng thuế: phương pháp khấu trừ.

* Phương pháp tính giá vốn hàng xuất kho được tính theo phương pháp nhập trước – xuất trước.

* Phương pháp hạch toán hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán:



-Kế toán trưởng: chịu trách nhiệm trước giám đốc về chế độ hạch toán, kế toán, quản lý vốn, ký các chứng từ kế toán định khoản trên sổ sách và hồ sơ lưu trữ, tổng hợp quyết toán toàn công ty, lập báo cáo tài chính.

- Kế toán viên 1: theo dõi quản lý kho khi có hàng hóa đầu vào và khi xuất hàng hóa khỏi kho.

- Kế toán viên 2: theo dõi công nợ với ngân hàng, viết phiếu thu phiếu chi, uỷ nhiệm thu, uỷ nhiệm chi, theo dõi khâu bán hàng doanh thu, và công nợ với khách hàng.

- Kế toán viên 3: kê khai quyết toán thuế, theo dõi và tính khấu hao TSCĐ.

* Hình thức kế toán áp dụng: Hình thức nhật ký chung

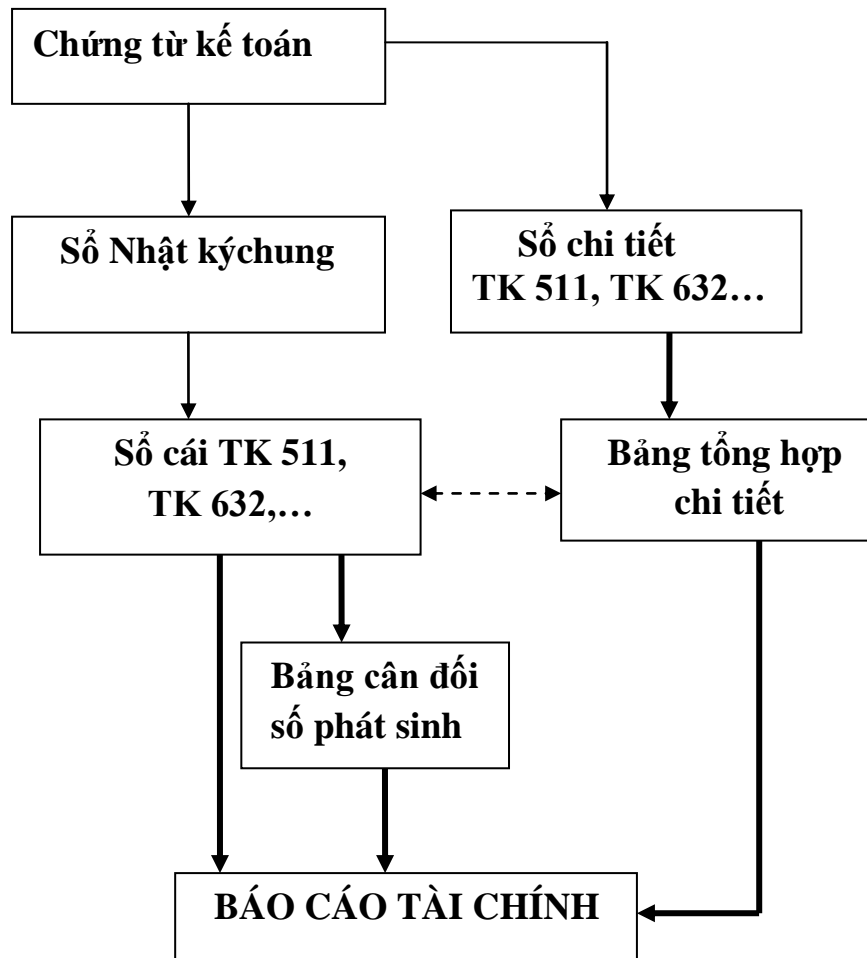
Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký chung tại Công ty TNHH TM Đan Việt :

Ghi chú:

Ghi hằng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ: \longrightarrow

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra: \longleftrightarrow



2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM Đan Việt

2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

* *Chứng từ và sổ kế toán sử dụng:*

- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Các chứng từ thanh toán (Phiếu thu, Séc chuyển khoản, Séc thanh toán, Giấy báo có của Ngân hàng,...)

- Chứng từ kế toán liên quan khác như phiếu nhập kho hàng trả lại.

- Sổ cái TK 511

* *Tài khoản sử dụng:*

- Tài khoản 511: “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”.

* Quy trình hạch toán kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty TNHH TM Đan Việt:

Ví dụ 1: Ngày 22/12/2014 xuất bán 5000 kg thép D22 cho công ty CP Phương Thảo, theo HĐ GTGT số 0005332 (biểu số 2.1) với số tiền 76.000.000 (chưa bao gồm 10% VAT). Khách hàng chưa thanh toán.

Biểu số 2.1: Hóa đơn GTGT số 005332

Mẫu số: 01GTKT3/001					
HÓA ĐƠN					
GIÁ TRỊ GIA TĂNG					
Liên 3: (Nội bộ)				Ký hiệu: AA/14P	
Ngày 22 tháng 12 năm 2014				Số : 0005332	
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH TM Đan Việt					
Mã số thuế: 0200681368					
Địa chỉ: Số 5/180 – Chùa Hàng- LC - Hải Phòng					
Số tài khoản:					
Điện thoại:					
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Công ty CP Phương Thảo					
Địa chỉ: Tràng Cát- Hải An - HP					
Số tài khoản:					
Hình thức thanh toán: TM / CK					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Thép thanh D22	kg	5000	15.200	76.000.000
Cộng tiền hàng:					76.000.000
Thuế suất GTGT: 10 % , Tiền thuế GTGT:					7.600.000
Tổng cộng tiền thanh toán					83.600.000
Số tiền viết bằng chữ: Tám mươi ba triệu sáu trăm ngàn đồng chẵn.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ, tên)		Người bán hàng (ký, ghi rõ họ, tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)	

(Nguồn: Phòng Kế toán Công ty TNHH TM Đan Việt)

Căn cứ vào HĐ GTGT 0005332 (biểu số 2.1), Kế toán định khoản :

Nợ 131:	83.600.000
Có 511:	76.000.000
Có 3331:	7.600.000

Ví dụ 2: Ngày 23/12/2014 xuất bán 31.598 kg thép D22 cho công ty Nam Tùng, theo HĐ GTGT số 0005338 (biểu số 2. 2) với số tiền 478.709.700 (chưa bao gồm 10% VAT), đã thanh toán bằng chuyển khoản.

Biểu số 2.2: Hóa đơn GTGT số 0005338

Mẫu số:01GTKT3/001					
HÓA ĐƠN					
GIÁ TRỊ GIA TĂNG					
Liên 3: (Nội bộ)				Ký hiệu: AA/14P	
Ngày 23 tháng 12 năm 2014				Số : 0005338	
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH TM Đan Việt					
Mã số thuế: 0200681368					
Địa chỉ: Số 5/180 – Chùa Hàng- LC - Hải Phòng					
Số tài khoản:					
Điện thoại:					
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Công ty CP Nam Tùng.					
Địa chỉ: 12- Gia Lâm - HN					
Số tài khoản:					
Hình thức thanh toán: chuyển khoản					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Thép thanh D22	kg	31.598	15.150	478.709.700
Cộng tiền hàng:					478.709.700
Thuế suất GTGT: 10 % , Tiền thuế GTGT:					47.870.970
Tổng cộng tiền thanh toán					526.580.670
Số tiền viết bằng chữ: Năm trăm hai mươi sáu triệu năm trăm tám mươi nghìn sáu trăm bảy mươi đồng chẵn.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ, tên)		Người bán hàng (ký, ghi rõ họ, tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)	

(Nguồn: Phòng Kế toán Công ty TNHH TM Đan Việt)

Biểu số 2.3: Giấy báo có

BIDV MST: 0100150619126 GIẤY BÁO CÓ Số : 1768
Ngày: 23/12/2014

SỐ TÀI KHOẢN: 321-10-00-012253-2 VND
TÊN TÀI KHOẢN: ĐAN ĐỨC MINH

Kính gửi: ÔNG ĐAN ĐỨC MINH
Địa chỉ: 5/180 - chùa Hàng – LC -Hp

Ngân hàng chúng tôi xin trân trọng thông báo: Tài khoản của Quý khách hàng được ghi có với Nội dung sau: Công ty Nam Tùng trả tiền hàng.

Ngày hiệu lực	Số tiền	Loại tiền	Diễn giải
23/12/2014	526.580.670	VND	Công ty Nam Tùng Trả tiền hàng

Giao dịch viên

Kiểm soát viên

(Nguồn: Phòng Kế toán Công ty TNHH TM Đan Việt)

- Căn cứ vào HĐ GTGT số 0005338(biểu số 2.2) và Giấy báo có của Ngân hàng BIDV số 1768(Biểu số 2.3), Kế toán định khoản :

Nợ 112: 526.580.670
Có 511: 478.709.700
Có 3331: 47.870.970

Ví dụ 3: Ngày 25/12/2014 xuất bán 1101 kg thép D22 cho công ty Thanh Nam , theo HĐ GTGT số 0005350 (biểu số 2.3) với số tiền 17.621.505 (giá đã bao gồm 10% VAT), đã thanh toán bằng tiền mặt.

Biểu số 2.4: Hóa đơn GTGT số 0005350

Mẫu số: 01GTKT3/001					
HÓA ĐƠN					
GIÁ TRỊ GIA TĂNG					
Liên 3: (Nội bộ)				Ký hiệu: AA/14P	
Ngày 25 tháng 12 năm 2014				Số : 0005350	
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH TM Đan Việt					
Mã số thuế: 0200681368					
Địa chỉ: Số 5/180 – Chùa Hàng- LC - Hải Phòng					
Số tài khoản:					
Điện thoại:					
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Công ty CP Thanh Nam .					
Địa chỉ: 12- Đằng Lâm – Hải An - Hải Phòng					
Số tài khoản:					
Hình thức thanh toán: Tiền mặt					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Thép thanh D22	kg	1.101	14.550	16.019.550
Cộng tiền hàng:					16.019.550
Thuế suất GTGT: 10 % , Tiền thuế GTGT:					1.601.955
Tổng cộng tiền thanh toán					17.621.505
Số tiền viết bằng chữ: Mười bảy triệu sáu trăm hai mươi một ngàn năm trăm lẻ năm đồng chẵn.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ, tên)		Người bán hàng (ký, ghi rõ họ, tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)	

(Nguồn: Phòng Kế toán Công ty TNHH TM Đan Việt)

- Căn cứ vào HĐ GTGT số 0005350 (như biểu 2.4) , kế toán lập phiếu thu số 21/12 như biểu 2.5:

Biểu số 2.5: Phiếu thu số 21 /12:

Công ty TNHH TM Đan Việt
Số 5/180 – Chùa Hàng - LC - HP

Mẫu số 01 -TT
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU THU

Ngày 25 tháng 12 năm 2014.

Quyển số:
Số: 21/ 12
Nợ:
Có:
Có:

Họ và tên người nộp tiền: Nguyễn Văn Hưng.

Địa chỉ: Công ty CP Thanh Nam.

Lý do nộp: Trả tiền thép

Số tiền: 17.621.505 (Viết bằng chữ): Mười bảy triệu sáu trăm hai mươi một
ngàn năm trăm lẻ năm đồng chẵn.

Kèm theo:..... Chứng từ gốc:

Ngày 25 tháng 12 năm 2014

Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Người nộp tiền (Ký, họ tên)	Người lập phiếu (Ký, họ tên)	Thủ quỹ (Ký, họ tên)
---------------------------------------	--------------------------------	--------------------------------	---------------------------------	-------------------------

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Mười bảy triệu sáu trăm hai mươi một
ngàn năm trăm lẻ năm đồng chẵn.

(Nguồn: Phòng Kế toán Công ty TNHH TM Đan Việt)

- Căn cứ vào HĐ GTGT số 0005350 (như biểu 2.4) và phiếu thu số 21/12(như biểu 2.5), Kế toán định khoản : Nợ 111: 17.621.505

Có 511: 16.019.550

Có 3331 : 1.601.955

- Căn cứ vào HĐGTGT số 0005332 (như biểu 2.1), HĐGTGT số 0005338 (như biểu 2.2), GBC 1768 (như biểu 2.3) và HĐ GTGT 0005350 (như biểu 2.4) , phiếu thu 21/12 (như biểu 2.5), kế toán ghi sổ Nhật ký chung như biểu số 2.6:

Biểu số 2.6: Trích sổ nhật ký chung tháng 12

Công ty TNHH TM Đan Việt
Số 5/180 - Chùa Hàng - LC - HP

Mẫu số S03a - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

TRÍCH SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2014

ĐVT: đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK đổi ứng	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
...
22/12	HĐ - 0005332	22/12	Bán thép thanh D22 cho Cty Phương Thảo	131	83.600.000	
				511		76.000.000
				3331		7.600.000
...	
23/12	GBC -1768 HĐ - 0005338	23/12	Bán thép thanh D22 cho Cty Nam Tùng	112	526.580.670	
				511		478.709.700
				3331		47.870.970
...
25/12	PT 21/12 HĐ - 0005350	25/12	Bán thép thanh D22 cho Cty Thanh Nam	111	17.621.505	
				511		16.019.550
				3331		1.601.955
...
31/12	GBC - 1778	31/12	Nhận lãi tiền gửi ngân hàng BIDV	112	9.567.850	
				515		9.567.850
.....
			Cộng PS quý 4		166.977.970.564	166.977.970.564
			Cộng lũy kế		667.911.882.257	667.911.882.257

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

(Nguồn: Phòng Kế toán Công ty TNHH TM Đan Việt)

Từ sổ nhật ký chung (như biểu 2.6), kế toán ghi sổ cái TK 511 như biểu số 2.7:

Biểu số 2.7: Trích Sổ cái tài khoản 511 tháng 12 năm 2014

Công ty TNHH TM Đan Việt
Số 5/180 – Chùa Hàng – LC - HP

Mẫu số S03b - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Quý 4 Năm: 2014

Tài khoản: 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số dư đầu kỳ: 0

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
...
22/12	HĐ - 0005332	22/12	Bán thép thanh D22 cho công ty TNHH Phương Thảo chưa thu tiền	131		76.000.000
23/12	GBC -1768 HĐ- 0005338	23/12	Bán thép thanh D22 cho công ty Nam Tùng Đã thu = CK	112		478.709.700
...
25/12	PT 21/12 HĐ - 0005350	25/12	Bán thép thanh D22 cho Cty Thanh Nam đã thu = TM	111		16.019.550
...
31/12	PKT 36	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	911	34.660.367.122	
			Cộng SPS quý 4		34.660.367.122	34.660.367.122
			Cộng lũy kế từ đầu năm		138.523.778.048	138.523.778.048

Số dư cuối kỳ: 0

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng Kế toán Công ty TNHH TM Đan Việt)

2.2.2. Doanh thu hoạt động tài chính:

- * Chứng từ sử dụng tại công ty
 - Phiếu thu, Giấy báo Có
 - Các chứng từ khác có liên quan
- * Tài khoản sử dụng tại công ty
 - TK 515: *Doanh thu hoạt động tài chính*
- * Sổ sách sử dụng tại công ty
 - Sổ Nhật ký chung, Sổ cái TK 515
- * Quy trình hạch toán kế toán doanh thu hoạt động tài chính tại công ty:

Biểu số 2.9: Trích Sổ cái tài khoản 515 tháng 12 năm 2014

Công ty TNHH TM Đan Việt
Số 5/180 – Chùa Hàng – LC - HP

Mẫu số S03b - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

TRÍCH SỔ CÁI
Quý 4 Năm: 2014

Tài khoản: 515 – Doanh thu từ hoạt động tài chính

Số dư đầu kỳ: 0

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
...
31/12	GBC 1778	31/12	Nhận lãi tiền gửi ngân hàng BIDV	112		9.567.850
31/12	PKT 36	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	911	11.455.511	11.455.511
		
			Cộng SPS quý 4		11.455.511	11.455.511
			Cộng lũy kế từ đầu năm		44.253.198	44.253.198

Số dư cuối kỳ: 0
Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng Kế toán Công ty TNHH TM Đan Việt)

2.2.3. Kế toán giá vốn hàng bán

- * Chứng từ kế toán sử dụng tại công ty
 - Phiếu xuất kho
 - Hóa đơn GTGT
- * Tài khoản kế toán sử dụng tại công ty
 - TK 632: Giá vốn hàng bán
- * Sổ sách kế toán sử dụng tại công ty
 - Sổ Nhật ký chung, Sổ cái TK 632
- * Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán tại công ty:

Ví dụ 1: Căn cứ vào HĐGTGT 0005332 (biểu 2.1), ngày 22/12/2014, kế toán lập phiếu xuất kho như biểu số 2.10

Biểu số 2.10: Phiếu xuất kho

Công ty TNHH TM Đan Việt
Số 5/180 –Chùa Hàng - LC - HP

Mẫu số 02 -VT
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 22 tháng 12 năm 2014

Nợ: 632

Số: 121/ 12

Có: 156

Họ và tên người nhận hàng: Nguyễn Minh Thanh

Địa chỉ: Công ty CP Phương Thảo

Lý do xuất kho: Xuất bán.

Xuất tại kho : Công ty. Địa điểm: Số 5/180 – Chùa Hàng- LC- HP

ST T	Tên, quy cách ký hiệu vật tư	Mã số	Đơn vị	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Thép thanh D22	TT22	kg	5000	5000	14.300	71.500.000
Cộng thành tiền							71.500.000

Số tiền bằng chữ: Bảy mươi một triệu năm trăm ngàn đồng chẵn.

Số chứng từ gốc kèm theo:

Người lập phiếu (Ký, họ tên)	Người nhận hàng (Ký, họ tên)	Ngày 22 tháng 12 năm 2014 Thủ kho (Ký, họ tên)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)
---------------------------------	---------------------------------	------------------------------------------------------	--------------------------------

(Nguồn: Phòng Kế toán Công ty TNHH TM Đan Việt)

Kế toán dựa vào sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ (sản phẩm) tháng 12 năm 2014 (như biểu 2.11) để xác định giá vốn hàng bán (theo phương pháp nhập trước – xuất trước): Kế toán lấy số lượng 5000 * 14.300 (Đơn giá tồn đầu kỳ) = 71.500.000

Biểu số 2.11: Trích Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ (sản phẩm) tháng 12 năm 2014

TRÍCH SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ (SẢN PHẨM, HÀNG HÓA)

Tháng 12/ 2014

Tài khoản: 156

Tên vật liệu, dụng cụ (sản phẩm, hàng hóa): Thép D22

Đơn vị tính: kg

chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Đơn giá	Nhập		Xuất		tồn	
SH	NT				SL	TT	SL	TT	SL	TT
		<u>Số dư đầu kỳ</u>		14.300					6.200	88.660.000
PNK 197	17/12	Mua hàng về nhập kho của công ty Vĩnh Hưng	331	15.000	10.000	150.000.000			16.200	103.660.000
PXK 121	22/12	Xuất bán cho Cty Phương Thảo	632	14.300			5.000	71.500.000	11.200	32.160.000
		Cộng phát sinh			10.000	150.000	5.000	71.500.000		
		<u>Số dư cuối kỳ</u>							11.200	32.160.000

(Nguồn: Phòng Kế toán Công ty TNHH TM Đan Việt)

Ví dụ 3: Căn cứ vào HDGTGT 0005350 (như biểu 2.4) ngày 25/12/2014, kế toán lập phiếu xuất kho như biểu số 2.13

Biểu số 2.13: Phiếu xuất kho

Công ty TNHH TM Đan Việt
Số 5/180 –Chùa Hàng - LC - HP

Mẫu số 02 -VT
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 25 tháng 12 năm 2014

Nợ: 632

Số:131/12

Có: 156

Họ và tên người nhận hàng: Nguyễn Văn Phú

Bộ phận: Bán hàng

Lý do xuất kho: Xuất bán cho công ty Thanh Nam

Xuất tại kho : Công ty. Địa điểm: Số 5/180 – Chùa Hàng- LC- HP

ST T	Tên, quy cách ký hiệu vật tư	Mã số	Đơn vị	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Thép thanh D22	TT22	kg	1101	1101	14.500	15.964.500
Cộng thành tiền							15.964.500

Số tiền bằng chữ: Mười lăm triệu chín trăm sáu mươi tư ngàn năm trăm đồng chẵn.

Số chứng từ gốc kèm theo:

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Người nhận hàng
(Ký, họ tên)

Ngày 23 tháng 12 năm 2014
Thủ kho Kế toán trưởng
(Ký, họ tên) (Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng Kế toán Công ty TNHH TM Đan Việt)

Căn cứ vào P XK số 121/12 (như biểu 2.10), P XK 126/12 (như biểu 2.12), P XK 131/12 (như biểu 2.13), kế toán ghi sổ Nhật ký chung như biểu 2.14:

Biểu số 2.14: Trích sổ nhật ký chung tháng 12

Công ty TNHH TM Đan Việt
Số 5/180 - Chùa Hàng - LC - HP

Mẫu số S03a - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

TRÍCH SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2014

DVT: đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
...
22/12	HĐ - 0005332	22/12	Bán thép thanh D22 cho Cty Phuong Thảo	131	83.600.000	
				511		76.000.000
				3331		7.600.000
22/12	P XK 121/12	22/12	Giá vốn thép thanh D22 bán cho Cty Phuong Thảo	632	71.500.000	
				156		71.500.000
.....
23/12	GBC -1768 HĐ - 0005338	23/12	Bán thép thanh D22 cho Cty Nam Tùng	112	526.580.670	
				511		478.709.700
				3331		47.870.970
23/12	P XK 126/12	23/12	Giá vốn thép thanh D22 bán cho Cty Nam Tùng	632	473.970.000	
				156		473.970.000
...
25/12	P XK 131/12	25/12	Bán thép thanh D22 cho Cty Thanh Nam	111	17.621.505	
				511		16.019.550
				3331		1.601.955
25/12	PT20/12 HĐ - 0005350	25/12	Giá vốn thép thanh D22 bán cho Cty Thanh Nam	632	15.964.500	
				156		15.964.500
...
31/12	GBC - 1778	31/12	Nhận lãi tiền gửi ngân hàng BIDV	112	9.567.850	
				515		9.567.850
			Cộng PS quý 4		166.977.970.564	166.977.970.564
			Cộng lũy kế từ đầu năm		667.911.882.257	667.911.882.257

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Từ sổ Nhật ký chung , kế toán ghi sổ cái Tài khoản 632 như biểu 2.15

Biểu số 2.15: Trích Sổ cái tài khoản 632 tháng 12 năm 2014

Công ty TNHH TM Đan Việt
Số 5/180 – Chùa Hàng – LC - HP

Mẫu số S03b - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

TRÍCH SỔ CÁI
Quý 4 Năm: 2014

Tài khoản: 632 – Giá vốn hàng bán
Số dư đầu kỳ: 0

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
...
22/12	PXK 121/12	22/12	Giá vốn thép D22 bán cho công ty Phương Thảo	156	71.500.000	
....		
23/12	PXK 126/12	23/12	Giá vốn thép thanh D22 bán cho Cty Nam Tùng	156	473.970.000	
...	...					
25/12	PXK 131/12	25/12	Bán thép thanh D22 cho Cty Thanh Nam	156	15.964.500	
.....					
31/12	PKT 37	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911		33.759.268.436
			Cộng PS quý 4		33.759.268.436	33.759.268.436
			Cộng lũy kế từ đầu năm		135.037.073.744	135.037.073.744

Số dư cuối kỳ: 0

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng Kế toán Công ty TNHH TM Đan Việt)

2.2.4. Kế toán chi phí bán hàng và quản lý kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại Đan Việt

- * Chứng từ sử dụng tại công ty
- Phiếu chi, Hoá đơn GTGT, Giấy báo Nợ
- Bảng thanh toán lương, Bảng tính và phân bổ khấu hao...
- Các chứng từ khác có liên quan
- * Tài khoản kế toán sử dụng tại công ty

- TK 641: Chi phí bán hàng.

- TK 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp.

* Sổ sách sử dụng

- Sổ Nhật ký chung, Sổ cái TK 641, sổ cái TK 642

* Trình tự hạch toán kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tại công ty TNHH TM Đan Việt:

Ví dụ minh họa:

* Ngày 31/12/2014, căn cứ vào Bảng phân bổ lương tháng 12/2014 như biểu 2.16, kế toán định khoản:

+ Nợ TK 641: 24.849.818

 Nợ TK 642: 28.441.890

 Có TK 334: 53.291.708

+ Nợ TK 641: 4.181.996

 Nợ TK 642: 5.344.671

 Nợ TK 334: 574.952

 Có TK 338: 10.101.619

* Ngày 31/12, căn cứ bảng trích khấu hao TSCĐ Tháng 12/2014 như biểu 2.17, kế toán định khoản:

 Nợ TK 641: 14.215.674

 Nợ TK 642: 12.632.846

 Có TK 214: 26.848.520

Biểu số 2.16: Trích Bảng phân bổ lương và bảo hiểm XH Quý 4/2014

Công ty TNHH TM Đan Việt
Số 5/180 - Chùa Hàng - LC - HP

BẢNG PHÂN BỐ TIỀN LƯƠNG VÀ BẢO HIỂM XÃ HỘI

Tháng 12/2014

STT	Ghi Có TK Ghi Nợ TK	TK 334	TK 338				Cộng có TK 338
			3382	3383	3384	3389	
1	TK 641- Chi phí bán hàng	24.849.818	496.996	3.015.000	502.500	167.500	4.181.996
2	TK 642 – Chi phí QLDN	28.441.890	568.838	3.907.500	651.250	217.083	5.344.671
3	TK 334 – Phải trả người lao động			553.800	17.306	3.846	574.952
	Cộng	53.291.708	1.065.834	7.476.300	1.171.056	388.429	10.101.619

(Nguồn: Phòng Kế toán Công ty TNHH TM Đan Việt)

Biểu số 2.17: Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ

Công ty TNHH TM Đan Việt

Số 5/180 - Chùa Hàng - LC - HP

**BẢNG TÍNH VÀ PHÂN BỐ KHẤU HAO TSCĐ
THÁNG 12 NĂM 2014**

STT	Chỉ tiêu	Thời gian sử dụng	Toàn doanh nghiệp		TK641	TK 642
			Nguyên giá	Số khấu hao		
1	Số khấu hao trích tháng trước			19.765.187	14.215.674	5.549.513
2	Số khấu hao tăng tháng này		850.000.000			
	Ô tô phục vụ bộ phận QLDN	10	850.000.000	7.083.333		7.083.333
3	Số khấu hao giảm tháng này			-	-	-
4	Số khấu hao trích tháng này			26.848.520	14.215.674	12.632.846

(Nguồn: Phòng Kế toán Công ty TNHH TM Đan Việt)

Ví dụ 2: Ngày 23 /12/2014, kế toán thanh toán tiền điện tháng 11/2014 của bộ phận Quản lý DN cho Điện lực Lê Chân bằng tiền mặt; số tiền là 1.854.500 đồng.

Biểu số 2.18: Hoá đơn GTGT số 0002180 của Điện lực Lê Chân ngày 23/12/2014

ĐIỆN LỰC LÊ CHÂN		HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN GTGT (Liên 2: Giao khách hàng) Từ ngày 23/11/2014 đến ngày 25/12/2014		Mẫu số: 01GTKT2/001 Ký hiệu: AA/13P Số: 0002180	
Địa chỉ: số 12, Hồ Nam, Lê Chân HP					
Điện thoại: MST: 0200380231-002					
Mã khách hàng: LC612					
Tên khách hàng: Công ty TNHH TM Đan Việt.					
Địa chỉ khách hàng: 5/180 Chùa Hàng, Hồ Nam , Lê Chân, HP					
Chỉ số mới	Chỉ số cũ	Mục đích SD	Điện năng TT	Đơn giá	Thành tiền
24.586	24.163	SH	423		
		Trong đó:			
			100	1.418	141.800
			100	1.922	192.200
			100	2.424	242.400
			100	2.910	291.000
			23	3.461	79.603
Cộng:					947.003
Thuế suất GTGT : 10%					94.700
Tổng cộng tiền thanh toán:					1.041.703
Số tiền bằng chữ: <i>Một triệu không trăm bốn một ngàn bảy trăm lẻ ba đồng./.</i>					

(Nguồn: Phòng Kế toán Công ty TNHH TM Đan Việt)

Căn cứ vào HĐ GTGT số 0002180 (như biểu 2.18), kế toán lập phiếu chi số 18/12 (như biểu 2.19)

Biểu số 2.19: Phiếu chi số 18, quyển số 15 ngày 24/12/2014

Công ty TNHH TM Đan Việt
Số 5/180 Chùa Hàng, LC, HP

Mẫusố: 01 - TT
(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ - BTC
Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 24 tháng 12 năm 2014

Quyển số: 15

Số: 18/12

Nợ: 642:

Nợ 133:

Có 111:

Họ và tên người nhận tiền: Công ty Điện lực Lê Chân

Địa chỉ: Số12, Hồ Nam, Lê Chân , HP

Lý do chi: Thanh toán tiền điện

Số tiền: 1.041.703

(viết bằng chữ: Một triệu không trăm bốn mươi một ngàn bảy trăm lẻ ba đồng./.)

Kèm theo:chứng từ gốc.

Ngày 24 tháng 12 năm 2014

Giám đốc (Đã ký)	Kế toán trưởng (Đã ký)	Thủ quỹ (Đã ký)	Người lập phiếu (Đã ký)	Người nhận tiền (Đã ký)
---------------------	------------------------------	--------------------	-------------------------------	-------------------------------

(Nguồn: Phòng Kế toán Công ty TNHH TM Đan Việt)

- Căn cứ vào HĐ GTGT số 0002180 (như biểu 2.18) và phiếu chi số 18/12

(như biểu 2.19), kế toán định khoản:

Nợ TK 642: 947.003

Nợ TK133: 947.003

Có TK 111: 1.041.703

- Căn cứ vào bảng phân bổ lương (Biểu số 2.16), bảng trích khấu hao TSCĐ (Biểu số 2.17), HĐGTGT số 0002180 (Biểu số 2.18) và phiếu chi số 18/12 (như biểu 2.19), Kế toán ghi sổ nhật ký chung như Biểu 2.20:

Biểu số 2.20: Trích sổ nhật ký chung tháng 12

Công ty TNHH TM Đan Việt
Số 5/180 - Chùa Hàng - LC - HP

Mẫu số S03a - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng (BTC)

TRÍCH SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2014

ĐVT: đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK đôi ứng	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
...
23/12	HD-0002180 PC-18/12	23/12	Trả tiền điện cho bộ phận QLDN = TM	642	947.003	
				133	947.003	
				111		1.041.703
...	
31/12	BPBL – T12	31/12	Tính Lương T12	641	24.849.818	
				642	28.441.890	
				334		53.291.708
31/12	BPBL - 12	31/12	Các khoản trích theo lương T12	641	4.181.996	
				642	5.344.671	
				334	574.952	
				338		10.101.619
31/12	BPBKH – T12	31/12	Trích khấu hao TSCĐ	642	12.632.846	
				641	14.215.674	
				214		26.848.520
31/12	PKT 36	31/12	Kết chuyển Doanh thu	511	34.660.367.122	
				515	11.455.511	
				911		34.671.822.633
31/12	PKT 37	31/12	Kết chuyển chi phí	911		
				632		33.759.268.436
				641		364.198.863
				642		12.632.846
31/12	PKT 38	31/12	Xác định thuế TNDN	821	71.098.093	
				3334		71.098.093
31/12	PKT 39	31/12	Kết chuyển chi phí Thuế TNDN	911	71.098.093	
				821		71.098.093
31/12	PKT 40	31/12	Kết chuyển lãi	911	252.075.058	
				421		252.075.058
			Cộng PS quý 4		166.977.970.564	166.977.970.564
			Cộng lũy kế từ đầu năm		667.911.882.257	667.911.882.257

(Nguồn: Phòng Kế toán Công ty TNHH TM Đan Việt)

Căn cứ vào sổ Nhật ký chung như biểu 2.20, kế toán vào sổ cái TK 641 như biểu 2.21, và sổ cái TK 642 như biểu 2.22

Biểu số 2. 21: Trích Sổ cái tài khoản 641 tháng 12 năm 2014

Công ty TNHH TM Đan Việt

Mẫu số S03b - DN

Số 5/180 – Chùa Hàng – LC - HP (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

TRÍCH SỔ CÁI

Quý4 Năm: 2014

Tài khoản: 641 – Chi phí Bán hàng

Số dư đầu kỳ: 0

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
...
31/12	BPBL- T12	31/12	Lương NV bán hàng	334	24.849.818	
31/12	BPBL – T12	31/12	Trích lương NV bán hàng	338	4.181.996	
31/12	BPBKH- T12	31/12	Trích KH TSCĐ Cho BP QLDN	214	14.215.674	
31/12	PKT 37	31/12	Kết chuyển Chi phí bán hàng	911		364.198.863
....			
			Cộng PS Quý 4		364.198.863	364.198.863
			Cộng lũy kế từ đầu năm		1.456.795.450	1.456.795.450

Số dư cuối kỳ: 0

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng Kế toán Công ty TNHH TM Đan Việt)

Biểu số 2.22: Trích Sổ cái tài khoản 642 quý 4 năm 2014

Công ty TNHH TM Đan Việt
Số 5/180 – Chùa Hàng – LC - HP

Mẫu số S03b - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

TRÍCH SỔ CÁI

Quý 4 Năm 2014

Tài khoản: 642– Chi phí Quản lý doanh nghiệp

Số dư đầu kỳ: 0

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
...
23/12	HĐGTGT 0002180 PC-18/12	23/12 23/12	Trả tiền điện cho bộ phận QLDN = TM	111	947.003	
31/12	BPBL – T12	31/12	Lương NV văn phòng T12	334	28.441.890	
31/12	BPBKH- T12	31/12	Trích KH TSCĐ Cho BP QLDN	214	12.632.846	
31/12	PKT 37	31/12	Kết chuyển chi phí QLDN	911		225.182.183
...			...			
			Cộng PS Quý 4		225.182.183	225.182.183
			Cộng lũy kế từ đầu năm		900.728.730	900.728.730

Số dư cuối kỳ: 0

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng Kế toán Công ty TNHH TM Đan Việt)

2.2.5..Kế toán xác định kết quả kinh doanh:

Để xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cần phải xác định được doanh thu thuần, giá vốn hàng bán và các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ. Kế toán phải thực hiện các bút toán kết chuyển:

- Kết chuyển doanh thu bán hàng
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính
- Kết chuyển giá vốn hàng bán
- Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh
- Kết chuyển chi phí thuế TNDN (nếu có)
- Kết chuyển lợi nhuận sau thuế (nếu lãi hoặc lỗ)
- * Chứng từ sử dụng
- Phiếu kế toán
- * Tài khoản sử dụng
- TK 821: Chi phí thuế TNDN
- TK 911: Xác định kết quả kinh doanh
- TK 421: Lợi nhuận chưa phân phối
- * Sổ sách kế toán sử dụng tại công ty
- Sổ Nhật ký chung
- Sổ cái các Tk 821, 911, 421

- Cuối quý, Căn cứ vào số liệu trên dòng cộng của sổ cái TK 511, 515, kế toán tiến hành bù trừ hai bên nợ - có để tìm số tiền cần kết chuyển rồi lập phiếu kế toán số 36, phản ánh việc kết chuyển doanh thu như biểu số 2.23

Biểu số 2.23: Phiếu kế toán số 36

Công ty TNHH TM Đan Việt Số 5/180 Chùa Hàng- LC- HP			Số: 36	
PHIẾU KẾ TOÁN <i>Quý 4/2014</i>				
STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển doanh thu bán hàng	511	911	34.660.367.122
2	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	11.455.511
	Cộng			34.671.822.633
Kế toán trưởng (Đã ký)		Ngày 31 tháng 12 năm 2014 Người lập phiếu (Đã ký)		

(Nguồn: Phòng Kế toán Công ty TNHH TM Đan Việt)

- Cuối quý, Căn cứ vào số liệu trên dòng cộng của sổ cái TK 632, 641, 642, kế toán tiến hành bù trừ hai bên nợ - có để tìm số tiền cần kết chuyển rồi lập phiếu kế toán số 37, phản ánh việc kết chuyển doanh thu như biểu số 2.24

Biểu số 2.24: Phiếu kế toán số 37

Công ty TNHH TM Đan Việt Số 5/180 Chùa Hàng- LC- HP			Số: 37	
PHIẾU KẾ TOÁN <i>Quý 4/2014</i>				
STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	33.759.268.436
2	Kết chuyển chi phí bán hàng	911	641	364.198.863
3	Kết chuyển chi phí QLDN	911	642	225.182.183
	Cộng			34.348.649.482
<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>				

(Nguồn: Phòng Kế toán Công ty TNHH TM Đan Việt)

Biểu số 2.25: Phiếu kế toán số 38

Công ty TNHH TM Đan Việt Số 5/180 Chùa Hàng- LC- HP			Số: 38	
PHIẾU KẾ TOÁN <i>Quý 4/2014</i>				
STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Xác định chi phí thuế TNDN	821	3334	64.538.833
	Cộng			64.538.833
Kế toán trưởng (Đã ký)		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i> Người lập phiếu (Đã ký)		

(Nguồn: Phòng Kế toán Công ty TNHH TM Đan Việt)

Biểu số 2.26: Phiếu kế toán số 39

Công ty TNHH TM Đan Việt Số 5/180 Chùa Hàng- LC- HP			Số: 39	
PHIẾU KẾ TOÁN				

Quý 4/2014				
STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911	821	64.538.833
	Cộng			64.538.833
Kế toán trưởng (Đã ký)		Ngày 31 tháng 12 năm 2014 Người lập phiếu (Đã ký)		

(Nguồn: Phòng Kế toán Công ty TNHH TM Đan Việt)

Biểu số 2.27: Phiếu kế toán số 40

Công ty TNHH TM Đan Việt		Số: 40		
Số 5/180 Chùa Hàng- LC- HP				
PHIẾU KẾ TOÁN				
Quý 4/2014				
STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế TNDN	911	421	228.819.498
	Cộng			228.819.498
Kế toán trưởng (Đã ký)		Ngày 31 tháng 12 năm 2014 Người lập phiếu (Đã ký)		

(Nguồn: Phòng Kế toán Công ty TNHH TM Đan Việt)

- Căn cứ vào phiếu kế toán số 36 và phiếu kế toán số 37, PKT 38, PKT 39 và PKT 40, kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung như biểu số 2.20

- Căn cứ vào sổ nhật ký chung ,(như biểu 2.20), kế toán vào sổ cái TK 911(như biểu số 2.28), sổ cái TK 821 (như biểu 2.29) và sổ cái TK 421 (như biểu 2.30)

Biểu số 2.28: Trích sổ cái TK 911 Quý 4/2014

Công ty TNHH TM Đan Việt
Số 5/180 – Chùa Hàng – LC - HP

Mẫu số S03b - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

TRÍCH SỔ CÁI
Quý 4 Năm 2014

Tài khoản: 911– Xác định kết quả kinh doanh

Số dư đầu

kỳ:0

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK đổi ứng	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
...
31/12	PKT 36	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng	511		34.660.367.122
31/12	PKT 36	31/12	Kết chuyển doanh thu HĐTC	515		11.455.511
31/12	PKT 37	31/12	Kết chuyển chi phí bán hàng	641	364.198.863	
31/12	PKT 37	31/12	Kết chuyển chi phí QLDN	642	225.182.183	
31/12	PKT 37	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632	33.759.268.436	...
31/12	PKT 39	31/12	Kết chuyển CP thuế TNDN	821	64.538.833	
31/12	PKT 40	31/12	Kết chuyển lãi	421	228.819.498	
			Cộng PS quý 4		34.671.822.633	34.671.822.633
			Cộng số phát sinh		138.568.031.246	138.568.031.246

Số dư cuối kỳ: 0

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng Kế toán Công ty TNHH TM Đan Việt)

Biểu số 2.29: Trích sổ cái tài khoản 821 tháng 12/2014

Công ty TNHH TM Đan Việt
Số 5/180 – Chùa Hàng – LC - HP

Mẫu số S03b - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

TRÍCH SỔ CÁI
Quý 4 Năm: 2014

Tài khoản: 821– chi phí thuế TNDN

Số dư đầu kỳ:0

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
...			
31/12	PKT 38	31/12	Xác định chi phí thuế TNDN	3334	64.538.833	
31/12	PKT 39	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911		64.538.833
			Cộng PS quý 4		64.538.833	64.538.833
			Cộng lũy kế từ đầu năm		258.155.331	258.155.331

Số dư cuối kỳ: 0

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

(Nguồn: Phòng Kế toán Công ty TNHH TM Đan Việt)

Biểu số 2.30: Trích sổ cái tài khoản 421 tháng 12/2014

Công ty TNHH TM Đan Việt
Số 5/180 – Chùa Hàng – LC - HP

Mẫu số S03b - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

TRÍCH SỔ CÁI
Quý 4 Năm: 2014

Tài khoản: 421– Lợi nhuận chưa phân phối

Số dư có đầu kỳ:0

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
...			
31/12	PKT 40	31/12	Kết chuyển lãi quý 4	911		
			Cộng PS quý 4			228.819.498
			Cộng lũy kế từ đầu năm		-	915.277.991

Số dư có cuối kỳ: 915.277.991

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng Kế toán Công ty TNHH TM Đan Việt)

- Căn cứ vào các sổ cái TK 511(như biểu 2.7), sổ cái TK 515(như biểu 2.9), sổ cái TK 632 (như biểu 2.15), sổ cái TK 641 (như biểu 2.21), sổ cái TK 642 (như biểu 2.22), sổ cái TK 911 (như biểu 2.28), sổ cái TK 821 (như biểu 2.29), sổ cái TK 421 (như biểu 2.30), kế toán lập bảng cân đối số phát sinh như biểu 2.31:

Biểu số 2.31: Bảng cân đối số phát sinh năm 2014

Công ty TNHH TM Đan Việt

Số 5/180 – Chùa Hàng- LC -HP

**BẢNG CÂN ĐỐI SỐ PHÁT SINH
Năm 2014**

Tên tài khoản	Số hiệu TK	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
Tiền mặt	111	172.872.697		7.981.414.538	8.024.824.735	129.462.500	
Tiền gửi ngân hàng	112	104.582.390		35.470.460.640	25.570.111.624	10.004.931.406	
Phải thu của khách hàng	131	80.86.468.698		9.066.037.187	6.187.049.671	10.965.456.214	
.....
Nguồn vốn chủ sở hữu	411		6.800.000.000				6.800.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	421				915.277.991		915.277.991
Doanh thu bán hàng	511			138.523.778.048	138.523.778.048		
Doanh thu tài chính	515			44.253.198	44.253.198		
Giá vốn hàng bán	632			135.037.073.744	135.037.073.744		
Chi phí bán hàng	641			1.456.795.450	1.456.795.450		
chi phí quản lý DN	642			900.728.730	900.728.730		
Chi phí thuế TNDN	821			258.155.331	258.155.331		
Xác định kết quả KD	911			138.568.031.246	138.568.031.246		
Tổng cộng		19.735.773.146	19.735.773.146	667.911.882.257	667.911.882.257	28.624.112.872	28.624.112.872

(Nguồn: Phòng Kế toán Công ty TNHH TM Đan Việt)

- Căn cứ vào bảng cân đối số phát sinh (như biểu 3.31), kê toán lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như biểu 3.32

Biểu số 2.32: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Công ty TNHH TM Đan Việt

Số 5/ 180 – Chùa Hàng –LC - HP

Mẫu số B02 - DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2014

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	138.523.778.048	136.511.228.666
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01- 02)	10		138.523.778.048	136.511.228.666
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	135.037.073.744	134.000.933.744
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		3.486.704.304	2.510.294.922
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	44.253.198	60.866.599
7. Chi phí tài chính	22	VI.28		
- trong đó: Chi phí lãi vay	23			
8. Chi phí bán hàng	24		1.456.795.450	1.328.500.900
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		900.728.730	271.500.850
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		1.173.433.322	
11. Thu nhập khác	31			
12. Chi phí khác	32			
13. Lợi nhuận khác (40 = 31- 32)	40			
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		1.173.433.322	971.159.771
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.31	258.155.331	242.789.943
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.32		
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50- 51-52)	60		915.277.991	728.369.828
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	70			

(Nguồn: Phòng Kế toán Công ty TNHH TM Đan Việt)

CHƯƠNG 3**MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI ĐAN VIỆT.****3.1. Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh nói riêng tại công ty TNHH thương mại Đan Việt.****3.1.1. Ưu điểm:**

- *Về công tác quản lý:*

Công ty TNHH TM Đan Việt là một công ty kinh doanh thương mại thép xây dựng trên thị trường Việt Nam với một đội ngũ cán bộ công nhân viên tuổi đời còn khá trẻ, năng động, có trình độ và bộ máy lãnh đạo có năng lực, tuy mới ra đời hơn 10 năm song công ty đã khẳng định được tên tuổi, uy tín của mình trên thương trường và không ngừng phát triển.

Ở công ty thép Đan Việt, việc tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh nhìn chung là tốt.

Bộ máy quản lý được tổ chức theo mô hình “chức năng”, mỗi phòng ban, bộ phận đảm nhiệm một chức năng, nhiệm vụ nhất định điều này tạo ra tính chuyên môn hóa cao trong công việc, không gây chồng chéo, trùng lặp giữa các bộ phận. Song giữa các phòng ban, bộ phận vẫn có sự phối hợp, hỗ trợ lẫn nhau giúp cho công việc được giải quyết nhanh chóng. Công ty có một hệ thống máy tính nối mạng Internet đảm bảo nắm bắt, trao đổi thông tin trong nội bộ công ty và với các đối tác một cách thuận tiện, nhanh chóng, kịp thời.

- *Về tổ chức bộ máy kế toán:* Phòng Kế toán gồm 4 người được phân công phụ trách các phần hành kế toán riêng đảm bảo sự chuyên môn hoá nhưng vẫn có sự phối hợp chặt chẽ. Thủ quỹ và kế toán tiền mặt được tách riêng do đó tách biệt được chức năng ghi sổ tiền mặt và chức năng bảo quản, lưu trữ tiền mặt. Các kế toán của công ty đều rất trẻ, nhiệt tình năng động, tốt nghiệp Đại học chuyên ngành kế toán do đó am hiểu chế độ kế toán nên thực hiện các nghiệp vụ kế toán nhanh chóng và chính xác.

+ Bộ máy kế toán được phân công công việc hợp lý rõ ràng phù hợp với chức năng của từng nhân viên kế toán. Giữa các nhân viên kế toán thường xuyên có sự kiểm tra đối chiếu số liệu đảm bảo tính chính xác của thông tin kế toán và phản ánh theo dõi kịp thời tình hình các hoạt động của Công ty.

- Về hệ thống chứng từ của công ty: Các chứng từ sử dụng phù hợp với nội dung nghiệp vụ kinh tế phát sinh và cơ sở pháp lý của nghiệp vụ. Mẫu chứng từ thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính. Các thông tin bắt buộc trên chứng từ đều được ghi chép đầy đủ, có đủ chữ ký và con dấu của những người liên quan.

+ Các chứng từ trong Công ty được luân chuyển theo trình tự nhất định đảm bảo việc luân chuyển chứng từ nhanh chóng, thuận tiện. Sau khi chứng từ đã được dùng để hạch toán thì đều được lưu trữ, bảo quản theo đúng quy định và được phân loại chứng từ theo nội dung kinh tế và trình tự thời gian

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho là kê khai thường xuyên giúp cho việc quản lý dễ dàng hơn và theo dõi được chính xác quá trình nhập xuất tồn của từng loại hàng hoá.

- Về hệ thống sổ sách kế toán:

+ Sổ tổng hợp theo hình thức Nhật ký chung đây là 1 hình thức kế toán đơn giản, mẫu sổ dễ thiết kế và ghi chép. Đặc biệt Công ty thuộc loại doanh nghiệp vừa và nhỏ thì hình thức này rất phù hợp.

+ Ngoài các loại sổ tổng hợp theo hình thức Nhật ký chung kế toán còn phản ánh các nghiệp vụ vào các sổ, thẻ chi tiết, các bảng tổng hợp chi tiết giúp cho việc quản lý chi tiết các đối tượng.

- Về công tác hạch toán doanh thu: Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về bán hàng đều được kế toán ghi nhận doanh thu một cách chính xác, kịp thời và đầy đủ; là cơ sở quan trọng để từng bước xác định kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp để từ đó có kế hoạch đúng đắn trong hoạt động kinh doanh của công ty.

- Về công tác hạch toán chi phí: Chi phí kinh doanh là một vấn đề hầu hết các doanh nghiệp quan tâm hàng đầu và luôn luôn tìm cách để quản lý chi phí một cách chặt chẽ nhất nhằm tránh tình trạng chi không, lãng phí, ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh. Chính vì vậy mà mọi chi phí phát sinh tại công ty đều được kiểm soát một cách chặt chẽ.

- Về công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh: Ở công tác này, tại công ty phần nào đã đáp ứng được yêu cầu của ban lãnh đạo về việc cung cấp thông tin một cách kịp thời và chính xác tình hình kinh doanh của công ty.

3.1.2. Hạn chế.

Mặc dù bộ phận kế toán của Công ty luôn cố gắng trau dồi kiến thức và kinh nghiệm nghề nghiệp nhưng do đặc điểm công việc kế toán vốn phức tạp và luôn yêu cầu độ chính xác cao nên hệ thống kế toán của Công ty không tránh khỏi những hạn chế cần hoàn thiện để thực hiện tốt hơn nữa vai trò quan trọng của hệ thống kế toán trong công ty.

- *Về kế toán chi phí:* Một số chi phí của Công ty hạch toán chưa đúng, 1 số khoản thường phải trích từ quỹ khen thưởng của Công ty lại được tính vào chi phí, các khoản chi phí trả trước chưa được phân bổ đúng kì. Việc hạch toán chi phí như vậy làm tăng chi phí phát sinh trong kì và giảm lợi nhuận kế toán trước thuế. Nguyên nhân chủ yếu của việc hạch toán sai các khoản chi phí này là do kế toán viên còn chưa có kinh nghiệm và chưa tìm hiểu kĩ về các quy định hạch toán chi phí có liên quan.

- *Về hình thức bán hàng:* Hiện nay hình thức bán hàng của Công ty còn chưa đa dạng chủ yếu là bán hàng qua điện thoại và bán hàng trực tiếp, do đó chưa thể tận dụng hết khả năng tiêu thụ các mặt hàng trên thị trường. Công ty cần đa dạng hơn nữa các hình thức bán hàng để mở rộng mạng lưới phân phối.

3.2. Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả tiêu thụ .

Để nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường, các nhà quản trị công ty cần sử dụng các thông tin do kế toán cung cấp. Thông tin kế toán là nguồn tài nguyên quan trọng nhất, đó là dữ liệu có ích được tổ chức theo một cách để từ đó có thể đưa ra được những đúng đắn. Nó làm cơ sở cho các quá trình ra quyết định phân phối, điều hòa nguồn nhân lực, trợ giúp cho doanh nghiệp thực hiện các mục đích kinh doanh của mình.

Bộ phận kế toán với chức năng cung cấp thông tin cho quản lý và đánh giá hoạt động kinh doanh của công ty luôn là bộ phận quan trọng của bất kỳ công ty nào.

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là những phần hành kế toán có ý nghĩa và vai trò hết sức quan trọng trong công tác kế toán tại mỗi công ty.

Vì vậy việc nâng cao công tác quản lý, cung cấp thông tin kịp thời, việc hoàn thiện công tác kế toán nói chung cũng như hoàn thiện kế toán doanh thu,

chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại Đan Việt là rất cần thiết.

3.3. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM Đan Việt.

Mục đích của các doanh nghiệp là kinh doanh có hiệu quả, tiết kiệm chi phí để đem lại lợi nhuận cao nên việc hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cũng là một trong những nội dung cần làm để đạt được mục tiêu này của các doanh nghiệp nói chung và của Công ty TNHH thương mại Đan Việt nói riêng.

Yêu cầu đặt ra trong công tác hoàn thiện tổ chức kế toán tại công ty là kịp thời áp dụng các chuẩn mực kế toán mới nhất, các thông tư mới nhất..., phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp mình. Hạch toán đầy đủ, chính xác theo chuẩn mực, không chỉ thể hiện tính nghiêm túc, chấp hành pháp luật mà còn có vai trò quan trọng trong công tác quản lý chi phí cũng như quản lý doanh nghiệp.

Cơ sở để hoàn thiện tổ chức kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh như:

- + Đảm bảo tuân thủ thống nhất chế độ kế toán do Bộ Tài Chính ban hành
- + Đảm bảo sự phù hợp giữa đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh và tổ chức quản lý của doanh nghiệp với chế độ kế toán chung.
- + Đảm bảo thực hiện tốt chức năng thông tin cho nhà quản lý vì mục tiêu của việc hoàn thiện công tác kế toán là cung cấp thông tin kịp thời, chính xác để nhà quản trị đưa ra các quyết định đúng đắn.
- + Đảm bảo sự tiết kiệm và hiệu quả trong việc tổ chức công tác kế toán ở doanh nghiệp nhưng vẫn đảm bảo thực hiện tốt các chức năng, nhiệm vụ của kế toán.

3.4. Nội dung và phương pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả tiêu thụ tại Công ty TNHH TM Đan Việt.

Do việc tính đúng, đủ các chi phí còn giúp cung cấp kịp thời, chính xác thông tin phục vụ cho các quyết định của nhà quản lý. Vì vậy, công tác kế toán nói chung, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng cần phải được hoàn thiện để làm cơ sở đánh giá hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Mặc dù em chưa có nhiều kinh nghiệm thực tế trong công việc kế toán nhưng từ những kiến thức đã học được và thực trạng kế toán tại Công ty em xin

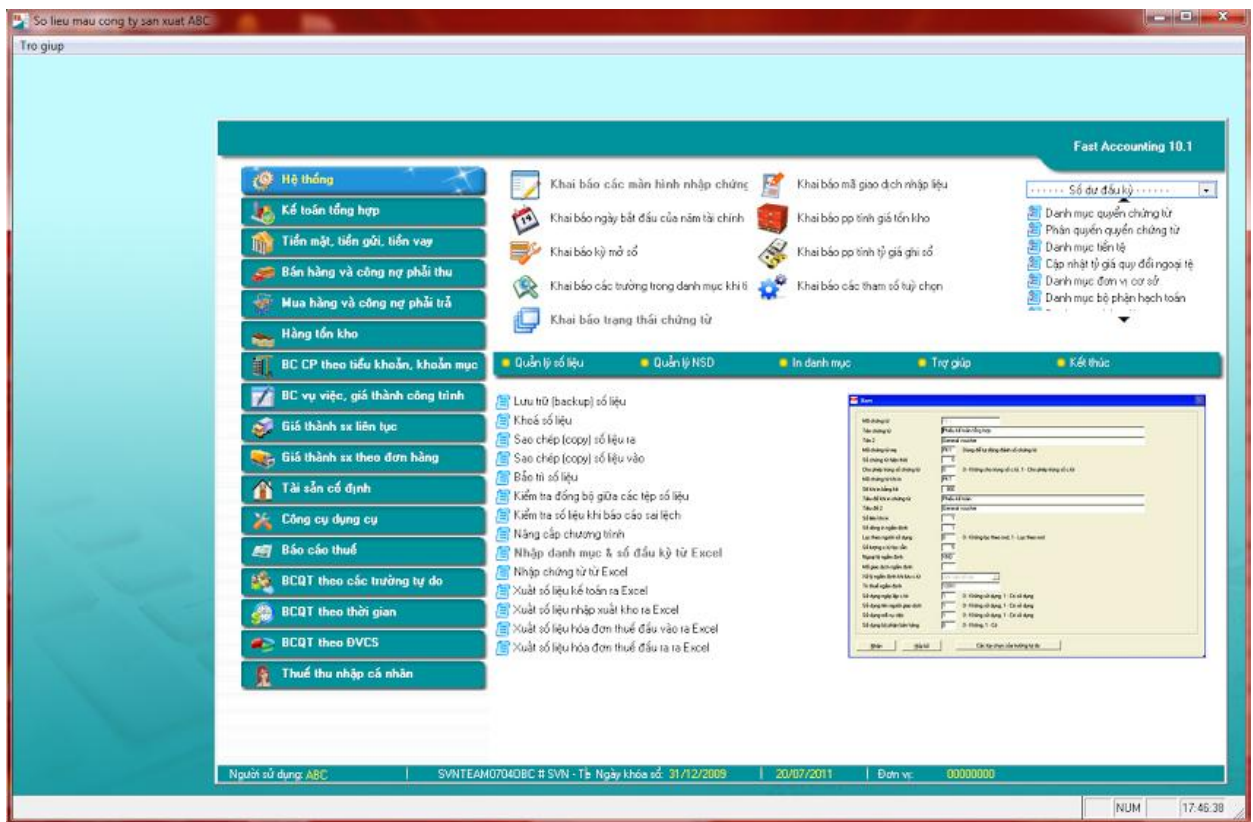
đề xuất một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán tại Công ty TNHH TM Đan Việt.

3.4.1. Kiến nghị về hiện đại hóa công tác kế toán

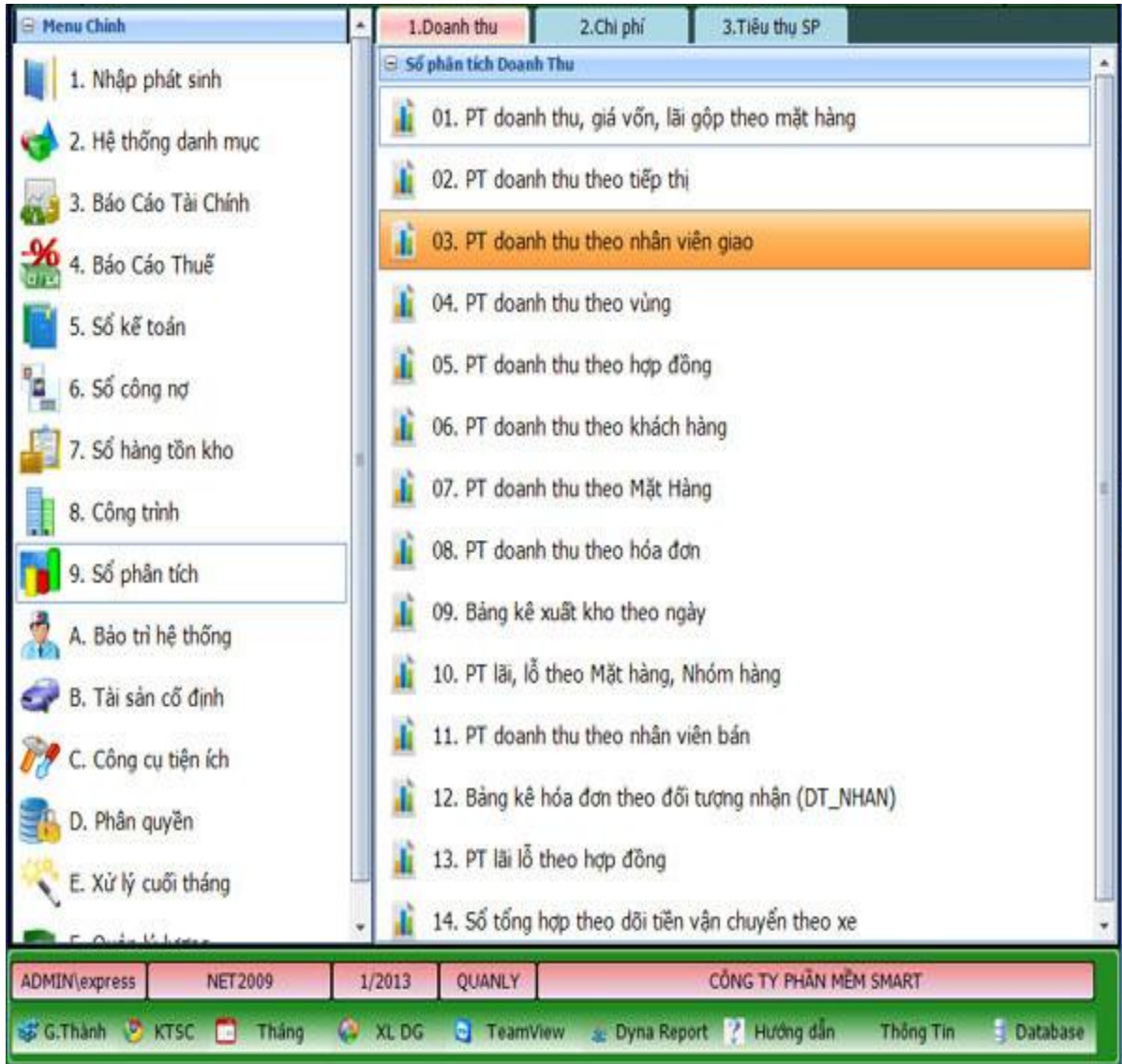
Để giảm tải khối lượng công việc, tránh sai lệch số liệu, tiết kiệm thời gian, công sức, tiết kiệm nguồn nhân lực, tăng cường tính chuyên nghiệp cho nhân sự, ... Công ty nên áp dụng phần mềm kế toán thay vì môi trường thủ công như trước kia. Hiện nay, trên thị trường có rất nhiều phần mềm kế toán phù hợp với hoạt động của doanh nghiệp như: MISA, FAST, BRAVO, GAMA,....

Dưới đây là ví dụ giao diện phần mềm kế toán MISA và FAST:

*** Phần mềm kế toán FAST:**



***Phần mềm kế toán SMART:**



3.4.2. Kiến nghị về phương thức bán hàng

Để mở rộng hơn nữa mạng lưới phân phối của Công ty đồng thời Công ty phải thực hiện đa dạng các hình thức bán hàng. Ngoài hình thức bán hàng trực tiếp và bán hàng qua điện thoại như hiện nay thì Công ty có thể bán hàng qua đại lý, cửa hàng đại diện, bán hàng qua các Website như vậy qua nhiều kênh phân phối Công ty sẽ tiếp cận với khách hàng dễ dàng hơn.

3.4.3. Kiến nghị về quy trình luân chuyển chứng từ

Để hạn chế việc mất mát hủy bỏ sót khi giao nhận chứng từ và dễ dàng quy trách nhiệm cũng như tìm lại chứng từ trong trường hợp bị thất lạc, khi giao nhận chứng từ giữa các phòng ban cần có phiếu giao nhận chứng từ.

Mẫu Phiếu giao nhận chứng từ như biểu 3.1

Biểu số 3.1: Phiếu giao nhận chứng từ

Công ty TNHH TM Đan Việt

Số 5/180 – Chùa Hàng – LC - HP

PHIẾU GIAO NHẬN CHỨNG TỪ

Ngày tháng	Loại chứng từ	Số hiệu	Ký tên	
			Bên giao	Bên nhận

3.5. Điều kiện thực hiện các giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM Đan Việt.

3.5.1 Về phía nhà nước:

+ Xây dựng hệ thống pháp luật đầy đủ, rõ ràng, mang tính bắt buộc cao, tính pháp quy chặt chẽ, có chính sách khen thưởng đối với doanh nghiệp làm tốt và có biện pháp xử lý đối với doanh nghiệp vi phạm.

+ Đồng thời tạo điều kiện để cho các tổ chức cá nhân kinh doanh một cách hợp pháp và thuận lợi thông qua việc hạn chế các thủ tục hành chính phức tạp không cần thiết.

3.5.2 Về phía doanh nghiệp:

+ Ban lãnh đạo công ty phải kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ công tác kế toán. Bên cạnh đó, đội ngũ cán bộ kế toán phải là người có trách nhiệm, có đạo đức nghề nghiệp

+ Công ty phải có khả năng tài chính và phải đầu tư trang thiết bị, máy móc, khoa học công nghệ phục vụ công tác kế toán.

+ Trong việc quản lý và sử dụng tiền vốn thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí.

+ Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về quản lý tài chính.

+ Cán bộ quản lý phải nắm vững và tổ chức việc thực hiện chính sách, chế độ kế toán hiện hành, thường xuyên cập nhật áp dụng chính sách thông ty mới do Bộ tài chính bổ sung và hoàn thiện.

+ Lãnh đạo công ty phải quan tâm hơn đến việc đào tạo cán bộ, nâng cao trình độ chuyên môn của các nhân viên kế toán.

+ Phân công trách nhiệm giữa các cán bộ nhân viên kế toán một cách hợp lý, đồng thời xác định mối quan hệ giữa các kế toán cùng phần hành và giữa các phần hành với nhau trong việc sử dụng chứng từ, hoàn chuyển chứng từ, cung cấp số liệu và đối chiếu kiểm tra.

+ Đi đôi với việc phân công trách nhiệm phải tăng cường công tác hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện quá trình hạch toán nhằm rút ra kinh nghiệm và giải pháp cụ thể.

+ Tăng cường kết hợp giữa kế toán tài chính và kế toán quản trị.

3.5.3. Về phía hiệp hội nghề nghiệp

+ Hiệp hội là tổ chức bao gồm các kế toán viên vì vậy cần cập nhật những thông tin mới nhất về những thay đổi của chế độ kế toán để hướng dẫn các thành viên thực hiện.

+ Hiệp hội nghề nghiệp cần thường xuyên tổ chức các buổi giao lưu giữa các hội viên để các hội viên có cơ hội học hỏi trao đổi kinh nghiệm với nhau.

KẾT LUẬN

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có một vai trò không thể thiếu trong công tác quản lý của doanh nghiệp. Nếu hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đúng đắn, chính xác sẽ là một trong những biện pháp tích cực và có hiệu quả nhất góp phần vào việc thúc đẩy quá trình tuần hoàn vốn, tạo điều kiện cho việc kinh doanh hàng hoá và cung cấp dịch vụ ngày càng được mở rộng.

Đề tài đã hệ thống những lý luận cơ bản về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp. Đồng thời cũng phản ánh khách quan, toàn diện về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại Đan Việt. Bài viết đã đưa ra được một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kinh doanh tại công ty TNHH TM Đan Việt như:

- + Kiến nghị về hiện đại hóa công tác kế toán
- + Kiến nghị về phương thức bán hàng.
- + Kiến nghị về quy trình luân chuyển chứng từ.

Tuy nhiên, do chưa có nhiều kinh nghiệm, hiểu biết còn hạn chế và thời gian thực tập ở công ty chưa lâu em không tránh khỏi nhiều thiếu sót. Em rất mong nhận được những ý kiến đóng góp của các thầy cô giáo và các anh chị làm việc tại phòng kế toán của Công ty TNHH Thương mại Đan Việt để bài khóa luận này của em được hoàn chỉnh hơn.

Cuối cùng, em xin chân thành cảm ơn thầy giáo Ths. Nguyễn Đức Kiên và các cán bộ nhân viên phòng kế toán của Công ty TNHH Thương mại Đan Việt đã hướng dẫn, giúp đỡ và tạo điều kiện để em hoàn thành bài khóa luận này.

Hải Phòng, ngày 05 tháng 7 năm 2015

Sinh viên

Lê Thị Quỳnh Nga

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. TS Phan Đức Dũng (2009), *Kế Toán Tài Chính*, NXB Thống kê
2. PGS - TS. Nguyễn Đình Đỗ (2006), *Kế Toán Tài Chính*, NXB Tài chính.
3. TS Võ Văn Nhị (2005), *Kế Toán Tài Chính*, NXB Thống kê
4. Bộ Tài Chính (2006), *Quyết Định số 15/2006/QĐ-BTC*